BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo:	**QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ (URBAN AND REGIONAL PLANNING)**
Hướng chuyên sâu:	**Quy hoạch vùng và đô thị (Urban and regional planning)**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Mã ngành:	**7.58.01.05**
Loại hình đào tạo:	**Chính quy tập trung**
Thời gian đào tạo:	**5 năm**
Tổng số tín chỉ yêu cầu:	**165 tín chỉ**
Tên văn bằng:	**Quy hoạch vùng và đô thị**
Nơi cấp bằng:	**Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

(Ban hành tại quyết định số 6254/QĐ-HVN ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1.1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung:

Mục tiêu của chương trình đào tạo cử nhân ngành Quy hoạch vùng và đô thị là hình thành cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; trang bị kiến thức chuyên môn vững vàng cùng kỹ năng nghề nghiệp tiên tiến. Người học có khả năng tham gia lập, quản lý và thực hiện các đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và nông thôn, đồng thời đóng góp vào việc xây dựng đô thị thông minh trong bối cảnh chuyển đổi số. Ngoài ra, chương trình còn phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tính năng động và sáng tạo của người học nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương, phục vụ cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Việt Nam

Mục tiêu cụ thể:

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị trình độ đại học sẽ:

MT1: Nắm vững kiến thức chuyên môn và vận dụng hiệu quả các nguyên lý khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong việc phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan đến Quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của vùng và đô thị.

MT2: Thể hiện năng lực sáng tạo và khả năng ứng dụng công nghệ số trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn tại các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị cũng như các lĩnh vực liên quan.

MT3: Có phẩm chất chính trị kiên định; sở hữu lòng đam mê và đạo đức nghề nghiệp vững chắc; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng động, sáng tạo và khả năng thích nghi với các môi trường làm việc trong kỷ nguyên số, từ đó đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành và sự phát triển bền vững của Việt Nam.

1.2 Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của CTĐT	**Chỉ báo của CĐR**	**Mức theo thang Bloom**
Kiến thức chung		
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị. 1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị. 1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị	Mức 3: Áp dụng
Kiến thức chung nhóm ngành		
CĐR2: Áp dụng kiến thức chuyển đổi số, kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	2.1. Áp dụng kỹ thuật, công nghệ trong đo đạc, lập bản đồ phục vụ quy hoạch vùng và đô thị. 2.2. Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xây dựng phương án quy hoạch.	Mức 3: Áp dụng
Kiến thức chuyên môn		
CĐR3: Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	3.1. Phân tích công tác lập quy hoạch và phát triển đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. 3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	Mức 4: Phân tích
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững	4.1. Đề xuất giải pháp quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	Mức độ 6: Sáng tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CĐR	Mức theo thang Bloom
của Việt Nam và toàn cầu.	4.2. Đề xuất giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	
Kĩ năng chung		
CĐR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. 5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn. 5.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.	Mức 3: Làm chính xác
Kĩ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	6.1. Sử dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập và trình bày đồ án quy hoạch vùng và đô thị; 6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.	Mức 3: Làm chính xác
Tự chủ và trách nhiệm		
CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	7.1. Làm việc độc lập và phối hợp hiệu quả trong nhóm; thích ứng với môi trường làm việc thay đổi; thể hiện tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. 7.2. Hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát những người khác trong thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật thuộc lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị. 7.3. Tự định hướng hoạt động nghề nghiệp, đưa ra và bảo vệ được các kết luận chuyên môn có căn cứ khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị.	Mức 3: Nội tâm hoá
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. 8.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.	Mức 3: Nội tâm hoá

** Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước như sau:*

+ Bộ Tiêu chuẩn AUN (ASEAN University Network);

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quy hoạch vùng và đô thị, trường Đại học Cần Thơ, Website: https://lrd.ctu.edu.vn/tuya-n-sinh/132-quy-hoach-vung-do-thi.html

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Urban and Regional Planning - Trường: University of Malaysia. Website: https://fbe.um.edu.my/bachelor-of-urban-amp-regional-planning

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Urban and Regional Planning. Trường: University of New England. Website: https://www.une.edu.au/study/courses/bachelor-of-urban-and-regional-planning

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- ***Lĩnh vực, vị trí và nơi làm việc:***

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị có thể đảm nhận các vị trí công tác chuyên viên, cán bộ tư vấn, giảng viên và doanh nghiệp như sau:

+ Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính;

+ Cục Phát triển đô thị; Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng; Cục Quản ý Nhà và thị trường bất động sản; Viện Quy hoạch đô thị và Nông thôn quốc gia; Viện Kinh tế xây dựng;

+ Trung tâm Quy hoạch đất đai Quốc gia;

+ Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố;

+ Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị tại các xã, phường;

+ Ban quản lý dự án xây dựng; Ban quản lý dự án hạ tầng đô thị các tỉnh thành, phố; Ban Quản lý dự án tại các xã, phường;

+ Hội Quy hoạch và Phát triển đô thị Việt Nam; Viện Quy hoạch đô thị;

+ Công ty phát triển nhà, công ty bất động sản;

+ Trung tâm, công ty tư vấn lập quy hoạch, phát triển đô thị, Tài nguyên và Môi trường;

+ Nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực quy hoạch và thiết kế đô thị, thiết kế cảnh quan tại các viện, trường đại học trong nước và Quốc tế, các tổ chức Quốc tế,...

+ Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn…

- ***Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp:***

Người học tốt nghiệp đại học ngành Quy hoạch vùng và đô thị có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

+ Thạc sĩ Quy hoạch vùng và đô thị;

+ Thạc sĩ Quản lý đô thị và công trình;

+ Thạc sĩ Đô thị học;

+ Tiến sĩ Quy hoạch vùng và đô thị;

+ Tiến sĩ Quản lý đô thị và công trình;

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT.

- Điều kiện dự tuyển: Có bằng/giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT, có thể tuyển thẳng, xét học bạ hoặc theo điểm thi tốt nghiệp THPT quốc gia

- Phương thức tuyển sinh (khối thi/ môn thi/ hình thức tổ chức thi): Theo Đề án tuyển sinh đại học hàng năm của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

- ***Triết lý giáo dục***

Học viện Nông nghiệp Việt Nam (trường Đại học Nông nghiệp I trước đây) đã tuyên bố Triết lý giáo dục: RÈN LUYỆN HUN ĐÚC NHÂN TÀI NÔNG NGHIỆP TƯƠNG LAI

Học Viện Nông nghiệp Việt Nam tin rằng thông qua quá trình RÈN tư duy sáng tạo, LUYỆN năng lực thành thạo, HUN tâm hồn thanh cao, ĐÚC ý chí lớn lao sẽ giúp sinh viên khi ra trường trở thành các NHÂN TÀI NÔNG NGHIỆP để phát triển bền vững nền nông nghiệp của Việt Nam và đưa nông nghiệp Việt Nam hội nhập quốc tế.

Nhất quán với Tầm nhìn và Sứ mệnh của Học viên và Khoa, Khoa theo đuổi triết lý giáo dục "Kiến tạo - Constructivism". Triết lý này được chương trình triển khai theo 2 nguyên tắc dạy và học:

1) Việc học bắt đầu khi người học có đam mê hướng đến chủ đề học tập.
2) Người học tự xây dựng kiến thức và kinh nghiệm mới dựa trên kiến thức và kinh nghiệm có sẵn.

- ***Chiến lược dạy và học***

Chiến lược dạy và học của khoa Tài nguyên và Môi trường hướng đến đáp ứng mục tiêu đào tạo lấy phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng tiếp cận năng lực.

Để trở thành giảng viên của khoa, các ứng viên phải vượt qua các vòng sát hạch bao gồm cả vòng thi về phương pháp dạy học đại học. Tất cả giảng viên phải được tập huấn rất bài bản về phương pháp giảnh dạy, phương thức chuẩn bị đề cương, giáo án, bài giảng; được cung cấp tầm nhìn và sứ mạng của Học viện và khoa, chuẩn đầu ra của chương trình, cũng như mục đích và nội dung chi tiết môn học. Bằng việc chuẩn bị các tác vụ đào tạo trong quá trình giảng dạy, việc đánh giá quá trình giảng dạy và thảo luận phương pháp giảng dạy cho phép các giảng viên lập chiến lược giảng dạy bao gồm mục tiêu giảng dạy, khối lượng kiến thức cơ bản đến các kiến thức cập nhật, các phương pháp giảng dạy và các kỹ thuật cũng như cách sử dụng thiết bị dạy học, các kỹ thuật kiểm soát giờ giảng, các phương pháp đánh giá.

Để giúp sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức, Hội đồng khoa luôn yêu cầu các giảng viên xây dựng chiến lược dạy và học dựa trên các cấp độ tư duy của thang Bloom. Tất cả các khối kiến thức/môn học được giảng dạy bởi Khoa Tài nguyên và Môi trường được thiết kế bao gồm lý thuyết, thực hành và đồ án. Đa phần các môn học lý

thuyết nằm ở cấp độ từ 1 - 3 trên thang bloom, các môn thực hành nằm ở cấp độ 3 và khóa luận tốt nghiệp yêu cầu sinh viên phải đạt được cấp độ 3 trên thang Bloom. Chiến lược dạy và học được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của từng môn học, trong giáo án, bài giảng của giảng viên và được đánh giá, điều chỉnh hàng năm.

Chiến lược dạy và học bao gồm:

1) Học lý thuyết kết hợp với thực hành
2) Thực hành môn học
3) Đồ án môn học
4) Khuyến khích tự học và làm việc nhóm

Vai trò của giảng viên là người cố vấn giúp sinh viên tiếp nhận và xây dựng kiến thức qua bài giảng và các hoạt động học tập trong và ngoài lớp. Khoa khuyến khích giảng viên phát triển các nội dung giảng dạy môn học dưới dạng giao các chuyên đề, tiểu luận, dự án tổ hợp gắn với nội dung giảng dạy. Khoa khuyến khích sinh viên NCKH, tổ chức các câu lạc bộ hướng nghiệp hay thường xuyên tổ chức các cuộc thi nhằm tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng tối đa các kiến thức được học. Việc bám sát thang tư duy của bloom trong quá trình xây dựng chiến lược dạy và học cũng như phương pháp đánh giá cho phép sinh viên hiểu được và vận dụng được khối kiến thức đã được đào tạo. Chiến lược này bao gồm các chiến lược dạy học tích cực được áp dụng cho các môn học lý thuyết, các môn học dựa trên thực hành, các môn dựa trên dự án và các môn học dựa trên thực tế.

5. Phương pháp đánh giá

• Các môn học cơ bản và cơ sở được đánh giá bằng cách trả lời các câu hỏi ngắn, thuyết trình, vấn đáp và thi viết;

• Các môn học thực hành và tiểu luận chuyên đề được đánh giá qua kỹ năng thực hành, chuẩn bị bài thuyết trình theo chủ đề;

• Đối với các môn học chuyên ngành, đánh giá sinh viên thông qua việc thực hiện các dự án bằng các rubric.

• Đối với khóa luận tốt nghiệp, sinh viên báo cáo kết quả thực hiện trước Hội đồng và được đánh giá tổng hợp các khía cạnh: nội dung báo cáo, hình thức trình bày, phong cách, thái độ và các cách trả lời các câu hỏi …

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó qui đổi thành thang điểm 4

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá

4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT với 55 tín chỉ đại cương, 36 tín chỉ cơ sở ngành (27 tín chỉ bắt buộc và 09 tín chỉ tự chọn), 54 tín chỉ chuyên ngành (45 tín chỉ bắt buộc, 09 tín chỉ tự chọn), 10 tín chỉ thực tập nghề nghiệp và 10 tín chỉ Khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với 04 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 06 tín chỉ kỹ năng mềm và đạt Chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ. Các học phần được sắp xếp trong 10 học kì, tương đương 5 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 165 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

(*Theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-HVN, ngày 29 tháng 4 năm 2021: https://file.vnua.edu.vn/data/0/documents/2021/11/30/host/qd2021-29-04-2021.pdf*)

7. Cấu trúc và nội dung chương trình:

Cấu trúc chương trình đào tạo Quy hoạch vùng và đô thị

ĐẠI CƯƠNG (55 TC)	CƠ SỞ NGÀNH (36 TC)	CỐT LÕI NGÀNH (54TC)
BẮT BUỘC (55 TC)	**BẮT BUỘC (27 TC)**	**BẮT BUỘC (45 TC)**
KIẾN THỨC CHUNG VÀ BỔ TRỢ (45 TC):	- Đô thị thông minh (3TC)	- Quản lý đất đô thị (3TC)
- Pháp luật đại cương (4TC)	- Hệ thống thông tin địa lý (3TC)	- Quản lý rủi ro trong quy hoạch và phát triển đô thị (3TC)
- Triết học Mác – Lênin (3TC)	- Nông nghiệp đô thị (3TC)	- Quy hoạch vùng (3TC)
- Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (4TC)	- Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn (3TC)	- Quy hoạch đô thị và nông thôn (3TC)
- Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2TC)	- Thiết kế đô thị (3TC)	- Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị (3TC)
- Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)	- Viễn thám (3TC)	- Quản lý môi trường đô thị (3TC)
- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)	- Lý thuyết kiến trúc nhà ở (3TC)	- Tham vấn cộng đồng trong QHV và ĐT (3TC)
- Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)	- Nhập môn quy hoạch xây dựng (3TC)	- Trắc địa xây dựng (3TC)
- Tiếng Anh 1 (2TC)	- Kiến trúc công trình công cộng (3TC)	- Quy hoạch đô thị sinh thái (3TC)
- Tiếng Anh 2 (3TC)		- Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị (3TC)
- Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (4TC)	**TỰ CHỌN (09 TC)**	- Đồ án 2: Quy hoạch chung (3TC)

- Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (3TC) - Thương mại và hội nhập quốc tế (3TC) - Nông nghiệp hiện đại (4TC) - Sinh thái và môi trường (4TC) - Tổ chức và quản lý kinh tế (3TC)	- Bản đồ địa hình (3TC) - Quy hoạch cấp thoát nước (3TC) - Đánh giá tác động và rủi ro môi trường (3TC) - Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT (3TC) - Công nghệ sinh học xử lý môi trường (3TC) - Xã hội học đô thị (3TC)	- Đồ án 3: Quy hoạch phân khu chức năng (3TC) - Đồ án 4: Quy hoạch chi tiết (3TC) - Quản lý dự án xây dựng (3TC) - Quy hoạch tổng thể (3TC) **TỰ CHỌN (09 TC)** - Phát triển quỹ đất phục vụ QHV và ĐT (3TC) - Kiến trúc cảnh quan (3TC) - Kinh tế vùng và đô thị (3TC) - Quy hoạch sử dụng đất (3TC) - Định giá bất động sản (3TC) - Quy hoạch tỉnh (3TC)
KIẾN THỨC CƠ BẢN NGÀNH (10 TC) Đồ họa kiến trúc đại cương (3TC) Bản đồ học (3TC) Trắc địa (4TC)	**THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP NGÀNH QHV & ĐT (10 TC)**	**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP (10 TC)**

Nội dung chương trình

TT	Năm/ Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
I	**KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG**				**55**						
I.1	***Khoa học chính trị, pháp luật, tin học và ngoại ngữ***				***24***						
1	1	XH91001	Pháp luật đại cương	Introduction to laws	4	4	0	BB	0		
2	2	XH91047	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist Philosophy	3	3	0	BB			
3	1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Information Technology and digital transformation	4	4	0	BB			
4	3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist Political Economy	2	2	0	BB			
5	3	DN91034	Tiếng Anh 1	English 1	2	2	0	BB			
6	3	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2	0	BB			
7	4	DN91035	Tiếng Anh 2	English 2	3	3	0	BB			
8	4	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	History of Communist Party of Vietnam	2	2	0	BB			
9	4	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	BB			

TT	Năm/ Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
I.2	***Kiến thức chung và bổ trợ (chung trong Học viện)***				***21***						
10	1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Entrepreneurship and Business Culture	4	4	0	BB	0		
11	1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Psychology and Public Speaking	3	3	0	BB			
12	2	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	International Trade and Intergration	3	3	0	BB			
13	2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern agriculture	4	4	0	BB			
14	2	TM91012	Sinh thái và môi trường	Ecology and Environment	4	4	0	BB			
15	3	KT91043	Tổ chức và Quản lý kinh tế	Economic organization and management	3	3	0	BB			
1.3	***Kiến thức cơ bản ngành (chung trong khối ngành)***				***10***						
16	4/3	TM94167	Đồ họa kiến trúc đại cương	Fundamentals of architectural graphics	3	3	0	BB	0		
17	2	TM92069	Bản đồ học	Topographical Map	3	2	1	BB			
18	3/4	TM92068	Trắc địa	Geodesy	4	3	1	BB			
II	**KIẾN THỨC NGÀNH**				**101**						

TT	Năm/ Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
II.1	***Kiến thức cơ sở ngành***				***39***						
19	4/3	TM94075	Đô thị thông minh	Smart Cities	3	2	1	BB			
20	1	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	Geographic Information System	3	2	1	BB			
21	5	TM94099	Nông nghiệp đô thị	Urban agriculture	3	3	0	BB			
22	3/4	TM94076	Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn	Law in urban and rural planning	3	3	0	BB			
23	6	TM94181	Thiết kế đô thị	Urban design	3	2,5	0,5	BB			
24	6	TM94164	Viễn thám	Remote sensing	3	2	1	BB			
25	5	TM94123	Lý thuyết kiến trúc nhà ở	Theory of Housing Architecture	3	3	0	BB			
26	4	TM94142	Nhập môn quy hoạch xây dựng	Introduction to Construction Planning	3	2	1	BB			
27	7	TM94169	Kiến trúc công trình công cộng	Public building architecture	3	3	0	BB			
28	7	TM94071	Bản đồ địa hình	Urban landscape ecology	3	2	1	TC	***9***		
29	6	TM94155	Quy hoạch cấp thoát nước	Water supply and sanitation planning	3	3	0	TC			

TT	Năm/ Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
30	7	TM94027	Đánh giá tác động và rủi ro môi trường	Environmental Impact Assessment and environmental risk	3	2	1	TC			
31	6	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	Application of unmanned aerial vehicles (UAV) in environmental resource management	3	2	1	TC			
32	6	TM94041	Công nghệ sinh học xử lý môi trường	Biotechnology for Environmental treatment	3	2	1	TC			
33	7	XH94032	Xã hội học đô thị		3	3	0	TC			
II.2	***Kiến thúc cốt lõi ngành***				***42***						
34	8	TM94120	Quản lý đất đô thị	Urban land management	3	2	1	BB			
35	9	TM94154	Quản lý rủi ro trong quy hoạch và phát triển đô thị	Risk management in urban planning and development	3	2	1	BB			
36	6	TM94133	Quy hoạch vùng	Regional Planning	3	2	1	BB			
37	4	TM94136	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Urban and rural planning	3	2	1	BB			

TT	Năm/ Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
38	5	TM94077	Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị	Urban infrastructure management)	3	2	1	BB			
39	8	TM94033	Quản lý môi trường đô thị	Urban environmental management	3	3	0	BB			
40	7	TM94137	Tham vấn cộng đồng trong QHV và ĐT	Community consultation on urban and regional planning	3	2	1	BB			
41	5	TM94078	Trắc địa xây dựng	Construction Surveying	3	2	1	BB			
42	7	TM94182	Quy hoạch đô thị sinh thái	Ecological urban planning	3	2	1	BB			
43	8	TM94081	Đồ án 4: Quy hoạch chi tiết	Project 4: Detailed Urban Planning Project	3	1	2	BB			
44	6	TM94139	Đồ án 2: Quy hoạch chung	Project 2: master planning	3	0	3	BB			
45	7	TM94080	Đồ án 3: Quy hoạch phân khu chức năng	Project 3: Functional Zoning Plan	3	0	3	BB			
46	5	TM94168	Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị	Project 1: Graphics in urban design	3	0	3	BB			
47	8	TM94079	Quản lý dự án xây dựng	Construction project management	3	2	1	BB			

TT	Năm/ Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Tên HP tiếng Anh	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Số tín chỉ tự chọn tối thiểu	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
48	9	TM94132	Quy hoạch tổng thể	Master planning	3	2	1	BB			
49	7	TM94121	Phát triển quỹ đất phục vụ QHV và ĐT	Land fund development for regional and urban planning	3	2	1	TC	***9***		
50	8	TM94138	Kiến trúc cảnh quan	Landscape architecture	3	2	1	TC			
51	8	TM94122	Kinh tế vùng và đô thị	Regional and urban economics	3	2	1	TC			
52	6	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	Land Use Planning	3	2	1	TC			
53	8	TM94110	Định giá bất động sản	Real estate valuation	3	2	1	TC			
54	8	TM94141	Quy hoạch tỉnh	Province planning	3	2	1	TC			
II.3	***Thực tập nghề nghiệp***				***10***						
55	9	TM94387	**Thực tập nghề nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị**	Intership	10	0	10	BB			
II.4	***Khoá luận tốt nghiệp***				***10***						
56	10	TM94497	**Khoá luận tốt nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị**	Graduation Thesis	10	0	10	BB			

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

**** Học phần kỹ năng mềm***

Kỹ năng mềm chọn 3/8 học phần KN01002, KN01003, KN01004, KN01005, KN01006, KN01008, KN01009, KN01010.

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC
KN01008	Kỹ năng bán hàng	2	TC
KN01009	Kỹ năng thuyết trình	2	TC
KN01010	Kỹ năng làm việc với các bên liên quan	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

**** Giáo dục thể chất và quốc phòng***

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1	BB
	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 học phần: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi; Golf; Yoga)	3	TC
Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCS VN	3	BB
	QS01012	Công tác quốc phòng và an ninh	2	BB
	QS01013	Quân sự chung	2	BB
	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	BB
Tổng số			**15**	

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Học phần tin học**

Căn cứ theo QĐ số 3566/QĐ-HVN ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc phê duyệt đề án Chuẩn trình độ Công nghệ thông tin Học viện Nông nghiệp Việt Nam áp dụng cho sinh viên đại học từ khóa K69:

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (đã có trong CTDT)	4	BB
ICT94001	CNTT ứng dụng trong Nông nghiệp	3	TC
ICT94002	CNTT ứng dụng trong Quản lý tài nguyên và môi trường	3	TC
ICT94003	CNTT ứng dụng trong Kinh tế - Xã hội	3	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

8. Kế hoạch học tập *(dự kiến)*

Năm thứ 1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
1	XH91001	Pháp luật đại cương	4	4	0	BB		
1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4	4	0	BB		
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3	3	0	BB		
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	4	4	0	BB		
1	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	3	2	1	BB		
1	DN91033	Tiếng anh bổ trợ	1	1	0	-		
1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1	0	1	PCBB		
2	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3	3	0	BB		
2	XH91047	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	BB		
2	TM91012	Sinh thái và môi trường	4	4	0	BB		
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4	4	0	BB		
2	TM92069	Bản đồ học	3	2	1	BB		
2	DN91039	Tiếng Anh 0	2	2	0	-		
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**35**	**33**	**2**			
Tổng số tín chỉ tự chọn: (Tự chọn tối thiểu: 0TC)			**0**	**0**	**0**			
Tổng số tín chỉ học phần tin học			**4**	**4**	**0**			
Tổng số tín chỉ Giáo dục thể chất:			**1**	**0**	**1**			

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
3	KT91043	Tổ chức và Quản lý kinh tế	3	3	0	BB		
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	BB		
3	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	BB		
3	DN91034	Tiếng Anh 1	2	2	0	BB		
3/4	TM94076	Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn	3	3	0	BB		Có thể mở ở học kỳ 4,
3/4	TM92068	Trắc địa	4	3	1	BB		
3/4	QS01011	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	PCBB		Có thể mở ở học kỳ 4
3/4	QS01012	Công tác quốc phòng - an ninh	2	2	0	PCBB		
3/4	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 11 học phần: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Goft, Yoga)	2	0	2	PCBB		
4	XH91075	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	BB		
4	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	BB		
4	DN91035	Tiếng Anh 2	3	3	0	BB		
4	TM94142	Nhập môn quy hoạch xây dựng	3	2	1	BB		
4/3	TM94167	Đồ họa kiến trúc đại cương	3	3	0	BB		Có thể mở ở học kỳ 3
4/3	TM94075	Đô thị thông minh	3	2	1	BB		
4/3	QS01013	Quân sự chung	2	1	1	PCBB		Có thể mở ở học kỳ 3
4/3	QS01014	KT chiến đấu bộ binh &CT	4	0	4	PCBB		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
4/3	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 1 trong 11 học phần: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Goft, Yoga)	1	0	1	PCBB		
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**32**	**29**	**3**			
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 0 TC)			**0**	**0**	**0**			
Tổng số tín chỉ Giáo dục quốc phòng			**11**	**6**	**5**			
Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 học phần)			**3**	**0**	**3**			

Năm thứ 3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
5	TM94099	Nông nghiệp đô thị	3	3	0	BB		
5	TM94077	Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị	3	2	1	BB		
5	TM94078	Trắc địa xây dựng	3	2	1	BB		
5	TM94136	Quy hoạch đô thị và nông thôn	3	2	1	BB		
5	TM94168	Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị	3	0	3	BB		
5	TM94123	Lý thuyết kiến trúc nhà ở	3	3	0	BB		
6	TM94133	Quy hoạch vùng	3	2	1	BB		
6	TM94181	Thiết kế đô thị	3	2,5	0,5	BB		
6	TM94139	Đồ án 2: Quy hoạch chung	3	0	3	BB		
6	TM94164	Viễn thám	3	2	1	BB		
6	TM94041	Công nghệ sinh học xử lý môi trường	3	2	1	TC		6
6	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	3	2	1	TC		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
6	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	3	2	1	TC		
6	TM94155	Quy hoạch cấp thoát nước	3	3	0	TC		
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**30**	**18,5**	**11,5**			
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 6TC)			**12**	**9**	**3**			

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
7	TM94137	Tham vấn cộng đồng trong QHV và ĐT	3	2	1	BB		
7	TM94169	Kiến trúc công trình công cộng	3	3	0	BB		
7	TM94182	Quy hoạch đô thị sinh thái	3	2	1	BB		
7	TM94080	Đồ án 3: Quy hoạch phân khu chức năng	3	0	3	BB		
7	XH94032	Xã hội học đô thị	3	3	0	TC		6
7	TM94121	Phát triển quỹ đất phục vụ QHV và ĐT	3	2	1	TC		
7	TM94027	Đánh giá tác động và rủi ro môi trường	3	2	1	TC		
7	TM94071	Bản đồ địa hình	3	2	1	TC		
8	TM94079	Quản lý dự án xây dựng	3	2	1	BB		
8	TM94033	Quản lý môi trường đô thị	3	3	0	BB		
8	TM94120	Quản lý đất đô thị	3	2	1	BB		
8	TM94081	Đồ án 4: Quy hoạch chi tiết	3	1	2	BB		
8	TM94110	Định giá bất động sản	3	2	1	TC		6
8	TM94141	Quy hoạch tỉnh	3	2	1	TC		
8	TM94138	Kiến trúc cảnh quan	3	2	1	TC		
8	TM94122	Kinh tế vùng và đô thị	3	2	1	TC		
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**24**	**15**	**9**			
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 12TC)			**24**	**17**	**7**			

Năm thứ 5

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
9	TM94132	Quy hoạch tổng thể	3	2	1	BB		
9	TM94154	Quản lý rủi ro trong quy hoạch và phát triển đô thị	3	2	1	BB		
9	TM94387	Thực tập nghề nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị	10	0	10	BB		
10	TM94497	Khoá luận tốt nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị	10	0	10	BB		
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**26**	**4**	**22**			
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu: 0TC)			**0**	**0**	**0**			

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Các học phần đại cương

DN91027. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (Psychology and Public Speaking).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm: Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người; Các kỹ năng giao tiếp trước công chúng; Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Ứng dụng diễn thuyết cho các hoạt động nghề nghiệp.. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện truyền thông đa phương tiện (Zoom, MS Teams...). ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần; Bài tập nhóm; Thi Cuối kỳ

DN91034. Tiếng Anh 1 (English 1).(2TC:2-0-6; 70 tiết). ***Nội dung***: Brief description of the course: This course consists of 4 units at pre-intermediate level about the four topics including The past (Unit 1), Out and about (Unit 2), Work (Unit 3), Travellers (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities. ***Phương pháp giảng dạy***: Lecturing method; Group-based learning; Role-play teaching; Teaching with MCQ; Teaching through discussion; Teaching with multi-media; Online teaching. ***Phương pháp đánh giá***: Attendance and attitude; Midterm examination; Final examination

DN91035. Tiếng Anh 2 (English 2).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Brief description of the course: This course consists of 4 units at level B1- about the topics including People (Unit 1), Tale Tellers (Unit 2), Questions (Unit 3), Winners (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different sections: Grammar/Function; Vocabulary; Pronunciation; Speaking; Reading; Listening/video; Writing. ***Phương pháp giảng dạy:*** Lecturing; Group-based; Role play; Discussion. ***Phương pháp đánh giá***: Attendance; Online Practice; Midterm test; Final examination.

KE91028. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (Entrepreneurship and Business Culture).(4TC:4-0-12; 140 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm 02 phần và 10 chương. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 chương): Giới thiệu chung về khởi nghiệp và VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh trong KN; Gọi vốn KN; Văn hóa kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- KN

trong nông nghiệp (3 chương): Mô hình KN nông nghiệp trong nông nghiệp; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ sinh học; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Dạy học dựa trên tình huống (case study); Hướng dẫn thảo luận; Hướng dẫn bài tập. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp; Bài tập nhóm; Thi cuối học phần

KE91063. Thương mại và hội nhập quốc tế (International Trade and Intergration).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Hội nhập quốc tế; Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hệ thống Thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Tài chính trong thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất nông sản cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế. ***Phương pháp giảng dạy***: Phương pháp thuyết giảng: giảng viên sử dụng powerpoint để thuyết trình các lý thuyết của học phần; Dạy học dựa trên vấn đề: giảng viên nêu câu hỏi, nếu vấn đề, sinh viên thảo luận và trả lời/giải quyết tình huống; Thảo luận nhóm: sinh viên được chia thành các nhóm, mỗi nhóm được giao các chủ đề cụ thể để sinh viên làm. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp; Bài tập nhóm; Thi cuối kỳ (trắc nghiệm).

KT91043. Tổ chức và Quản lý kinh tế (Economic organization and management).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm những nội dung chính: Kiến thức và tư duy về kinh tế thị trường; Ra quyết định trong kinh tế; Công tác kế hoạch; Tổ chức nguồn lực cho hoạt động kinh tế; Quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế; Marketing và xúc tiến thương mại; Giám sát, đánh giá và cải thiện đầu tư. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết trình; Đặt câu hỏi vấn đáp; Hướng dẫn thảo luận nhóm; Hướng dẫn làm bài tập; Giảng dạy trực tuyến: MS Teams, E-learning. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Giữa kỳ, Thảo luận nhóm); Thi cuối học phần.

NH91046. Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture).(4TC:4-0-12; 140 tiết). ***Nội dung***: Học phần gồm 6 chương: (1) Giới thiệu về nông nghiệp hiện đại; (2) Công nghệ sinh học trong nông nghiệp hiện đại; (3) Cơ giới hoá và tự động hoá trong nông nghiệp hiện đại; (4) Mô hình sản xuất cây trồng hiện đại; (5) Mô hình chăn nuôi hiện đại; (6) Mô hình thủy sản hiện đại. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy; Đặt câu hỏi động não; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Bài luận tổng quan; Thi cuối kỳ.

TH91084. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Information Technology and digital transformation).(4TC:4-0-12; 140 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm các nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng. Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan. Thông qua thảo luận. Sử dụng phim tư liệu. Kết hợp với phương tiện đa truyền thông. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thi giữa kỳ; Thi cuối kỳ.

TM91012. Sinh thái và môi trường (Ecology and Environment).(4TC:4-0-12; 140 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm 3 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Các hệ sinh thái chính; (2) Khoa học môi trường: Khái niệm về môi trường và tài nguyên; Môi trường và phát triển bền vững; Tài nguyên và môi trường nước, đất, không khí, rừng và sinh vật; (3) Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong sản xuất nông nghiệp. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Hướng dẫn làm tiểu luận nhóm; Hướng dẫn tự học; E-Learning/ LMS. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Tiểu luận; Thi kết thúc học phần.

XH91001. Pháp luật đại cương (Introduction to laws).(4TC:4-0-12; 140 tiết). ***Nội dung***: Học phần được chia thành hai nội dung chính: Phần 1: Kiến thức pháp luật cơ bản, bao gồm: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Phần 2: Ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm: nội dung cơ bản của pháp luật

trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và kiểm định thực vật; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Hướng dẫn bài tập nhóm; Giảng dạy trực tuyến; Giảng dạy qua tình huống. . ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Bài tập nhóm; Thi trắc nghiệm.

XH91047. Triết học Mác - Lênin (Marxist - Leninist Philosophy).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung****:* Học phần gồm 3 chương: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; Giảng dạy online trên nền tảng phần mềm MS Team. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần; Thi giữa kỳ; Thi cuối kỳ.

XH91061. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Marxist - Leninist Political Economy).(2TC:2-0-6; 70 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thi giữa kỳ (trắc nghiệm); Thi cuối kỳ (Trắc nghiệm).

XH91062. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism).(2TC:2-0-6; 70 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm 07 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thi giữa kỳ; Thi cuối kỳ.

XH91075. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (History of Communist Party of Vietnam).(2TC:2-0-6; 70 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. ***Phương pháp giảng dạy***: Nghe giảng; Nghiên cứu tài liệu; Trả lời câu hỏi, trao đổi, thảo luận. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thi giữa kỳ; Thi cuối kỳ.

XH91076. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology).(2TC:2-0-6; 70 tiết). ***Nội dung:*** Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Học phần bao gồm 6 chương gồm nhiều nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về: cách mạng, nhà nước, Đảng, đại đoàn kết, văn hoá, giáo dục**….** ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết trình, nêu vấn đề, phát vấn, đóng vai, làm việc nhóm. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp; Tiểu luận nhóm; Thi cuối kỳ.

9.2. Các học phần cơ sở ngành

TM92068. Trắc địa (Geodesy).(4TC:3-1-12; 140 tiết). ***Nội dung***: Những kiến thức chung về trắc địa: Các đơn vị dùng trong trắc địa; Các mặt đặc trưng cho hình dạng Trái đất; Khái niệm về độ cao, chênh cao, bình đồ, bản đồ; Các hệ thống toạ độ; Bài toán xác định toạ độ vuông góc phẳng. Các địa lượng đo cơ bản và thiết bị đo: Đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao. Các thiết bị sử dụng để đo góc, đo khoảng cách, đo cao. Đo vẽ bản đồ: Khái quát về đo vẽ bản đồ; Lưới khống chế đo vẽ; Đo vẽ bản đồ bằng phương pháp toàn đạc. Bản đồ thành lập bằng công nghệ số. Lý thuyết sai số: Khái niệm sai số. Sai số của hàm các đại lượng đo. Các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác các kết quả đo trực tiếp. Xử lý các kết quả đo cùng độ chính xác và không cùng độ chính xác của cùng một đại lượng. Nguyên tắc ảnh hưởng bằng nhau. Lưới khống chế trắc địa: Khái niệm lưới khống chế trắc địa. Lưới tam giác giải tích. Bình sai điều kiện lưới tam giác giải tích..

Phương pháp giảng dạy: Thuyết giảng trực tiếp trên lớp/Giảng trực tuyến trên nền tảng MS Teams hoặc Zoom; Thực hành máy trắc địa tại thực địa, xử lý số liệu trên máy tính. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham dự lớp; Kiểm tra giữa kỳ; Thực hành; Thi cuối kỳ.

TM92069. Bản đồ học (Topographical Map).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm những nội dung sau: Khái niệm cơ bản về bản đồ học; Cơ sở toán học về phép chiếu bản đồ; Nội dung và nguyên tắc trình bày bản đồ; Sơ đồ tổ chức thành lập bản đồ; Thiết kế ký hiệu ngôn ngữ trên bản đồ; Biên tập nội dung bản đồ; Sử dụng bản đồ và đánh giá chất lượng bản đồ; Ứng dụng công nghệ số trong thành lập bản đồ hiện nay. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy thực hành, xử lý số liệu, thành lập bản đồ. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi kết thúc học phần

TM93160. Hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần gồm các nội dung: Giới thiệu chung về Hệ thống thông tin địa lý (GIS); Cấu trúc dữ liệu trong GIS; Mô hình số hóa độ cao (DEM): Phương pháp biểu thị DEM, phương pháp xây dựng DEM; Phân tích dữ liệu trong GIS: chức năng tạo vùng đệm, chức năng chồng xếp bản đồ, chức năng nội suy không gian, chức năng tìm kiếm, chức năng phân tích mạng lưới. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Đánh giá cuối kỳ.

TM94027. Đánh giá tác động và rủi ro môi trường (Environmental Impact Assessment and environmental risk).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này hệ hống hóa cơ sở lý luận và tiếp cận trong đánh giá tác động môi trường và hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến đánh giá tác động môi trường; Cơ sở khoa học của đánh gái rủi ro và rủi ro sinh thái, ứng dụng trong công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết trình, thảo luận; Thực hành. ***Phương pháp đánh giá***: Thuyết trình, thảo luận; Thực hành; Thi cuối kỳ.

TM94041. Công nghệ sinh học xử lý môi trường (Biotechnology for Environmental treatment).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm: Lịch sử phát triển và thành tựu của lĩnh vực công nghệ sinh học trong xử lý môi trường; Công nghệ sinh học xử lý chất thải rắn; Công nghệ sinh học xử nước thải; Công nghệ sinh học xử lý khí thải; Công nghệ sinh học xử lý, cải tạo và phục hồi đất ô nhiễm; Tuyển chọn giống vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học xử lý môi trường; Đánh giá một số đặc tính sinh học của VSV; Quy trình sản xuất và đánh giá hiệu quả của chế phẩm sinh học xử lý môi trường. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thuyết trình và thảo luận nhóm; Thi giữa kỳ; Thi kết thúc học phần; bài thực hành.

TM94071. Bản đồ địa hình (Urban landscape ecology).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung*:** Học phần này gồm những nội dung sau: Đại cương chung về bản đồ địa hình; Nội dung của bản đồ địa hình; Tiếp biên, phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa hình; Xử lý số liệu chênh cao và đường đồng mức trên bản đồ địa hình; Tổng quát hóa bản đồ địa hình; Công tác hiện chỉnh bản địa hình; Sử dụng bản đồ địa hình trong thực tiễn; Một số phần mềm ứng dụng trong thành lập bản đồ địa hình hiện nay. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy thực hành, xử lý số liệu, thành lập bản đồ. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi kết thúc học phần.

TM94073. Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT (Application of unmanned aerial vehicles (UAV) in environmental resource management).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này các gồm: Kiến thức cơ bản về máy chụp ảnh số phổ thông, các yêu cầu kỹ thuật đối với máy chụp ảnh trong công nghệ UAV; Giới thiệu UAV và các thiết bị hỗ trợ dẫn đường và đạo hàng; lập thiết kế bay chụp UAV. Xử lý số liệu ảnh chụp UAV: xây dựng khối ảnh, xây dựng mô hình số DSM, DEM. Xây dựng quy trình công nghệ sử dụng ảnh UAV phục vụ quản lý TNMT. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy thông qua thực hành;

Giảng dạy trực tuyến bằng phần mềm Microsoft Teams. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thi giữa kỳ; Thực hành; Thi Cuối kỳ.

TM94078. Trắc địa xây dựng (Construction Surveying).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Khảo sát công trình: Đo vẽ bản đồ địa hình; Đo vẽ mặt cắt địa hình; Độ chính xác của bản đồ địa hình; Sử dụng bản đồ địa hình. Bố trí công trình: Bố trí các yếu tố cơ bản; Bố trí điểm mặt bằng; Bố trí đường cong; San nền. Trắc địa trong các giai đoạn xây dựng công trình: Lưới xây dựng; Định vị công trình; Chuyển trục lên tầng; Trắc địa trong giai đoạn xây lắp công trình; Công tác trắc địa khi xây dựng công trình cao; Đo biến dạng công trình. Thiết bị và công nghệ sử dụng trong trắc địa công trình: Thiết bị sử dụng trong xây dựng công trình; Ứng dụng thiết bị và công nghệ mới trong xây dựng. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trực tiếp trên lớp/Giảng trực tuyến trên nền tảng MS Teams hoặc Zoom; Thực hành máy trắc địa tại thực địa, xử lý số liệu trên máy tính. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp; Kiểm tra giữa kỳ; Thực hành; Thi cuối kỳ.

TM94110. Định giá bất động sản (Real estate valuation).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm các nội dung: Cơ sở lý luận về định giá bất động sản bảo gồm các nội về bất động sản, giá bất động sản, nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản; Định giá bất động sản một số nước trên thế giới, Định giá bất động sản ở Việt Nam, thực hành định giá bất động sản cụ thể. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm; Giảng dạy thông qua thực hành; Giảng dạy trực tuyến: sử dụng phần mềm Microsoft Teams,…. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi giữa kỳ; Thi kết thúc học phần.

TM94142. Nhập môn quy hoạch xây dựng (Introduction to Construction Planning).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Các nội dung chính: (i) Tổng quan về quy hoạch xây dựng; (ii) Thành phần hồ sơ của quy hoạch xây dựng; (iii) phương pháp và kỹ năng đọc, phân tích hồ sơ, bản vẽ quy hoạch xây dựng; (iv) Giới thiệu một số loại công trình kiến trúc và cách đọc một bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế công trình kiến trúc; (v) Giới thiệu một số phương pháp tính toán chi phí xây dựng trong việc đầu tư xây dựng công trình; (vi). Thực hành đọc hiểu các hồ sơ, bản vẽ trong lĩnh vực Quy hoạch xây dựng; thực hành phân tích thông tin từ các hồ sơ, bản vẽ phục vụ cho công tác quy hoạch vùng và đô thị. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; hoặc giảng dạy trực tuyến; Seminar sinh viên; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy thông qua thực hành. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thuyết trình; Thực hành; Thi kết thúc học phần.

TM94136. Quy hoạch đô thị và nông thôn (Introduction to Construction Planning).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Những vấn đề về cơ cấu dân cư đô thị và nông thôn; Đô thị và quy hoạch đô thị (khái niệm, phân loại, lịch sử phát triển, đô thị hóa, quy hoạch và phát triển không gian đô thị); Quy hoạch nông thôn (khái niệm, nguyên tắc, nội dung phương pháp quy hoạch nông thôn); Quản lý quy hoạch đô thị, nông thôn (Khái niệm, nội dung quản lý quy hoạch đô thị, nông thôn); thực hành thiết kế quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm (phường/xã) theo trình tự (vị trí và đánh giá hiện trạng; lập sơ đồ cơ cấu quy hoạch; quy hoạch chi tiết kiến trúc cảnh quan).. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Kiểm tra giữa kỳ; Thực hành; Thi cuối kỳ.

TM94164. Viễn thám (Remote sensing).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm 5 chương với nội dung về: Khái niệm cơ bản về viễn thám; Lý thuyết phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên; Giải đoán ảnh viễn thám; Giải đoán ảnh viễn thám trên nền tảng Google Earth Engine (GEE); Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường. Học phần gồm các bài thực hành với nội dung về: Làm quen với phần mềm, cắt ảnh; Hiệu chỉnh ảnh; Phân loại ảnh/giải đoán ảnh lập bản đồ; Bắt đầu với nền tảng GEE, tạo và chạy tập lệnh đầu tiên; Phân loại ảnh/giải đoán ảnh và đánh giá độ chính xác ảnh phân loại/ảnh giải đoán trên nền tảng GEE; Phát hiện biến động trên nền tảng GEE. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành trong phòng máy tính; Giảng dạy kết hợp với

phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Tiểu luận; Thực hành; Thi kết thúc học phần.

TM94167. Đồ họa kiến trúc đại cương (Fundamentals of architectural graphics).(3TC:1-2-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm 5 chương với nội dung về: Tổng quan về đồ hoạ kiến trúc; Hệ toạ độ và các phép biến đổi trong đồ hoạ kiến trúc; Phép chiếu trong đồ hoạ kiến trúc; Màu sắc trong đồ hoạ kiến trúc; Giới thiệu phần mềm AutoCAD. Học phần gồm 12 bài thực hành với nội dung về: Các thiết lập bản vẽ ban đầu; Các lệnh vẽ cơ bản về điểm, đường thẳng và đường thẳng định hướng; Các lệnh vẽ cơ bản về đường tròn, cung tròn, hình chữ nhật, đa tuyến và đa giác đều; Các phương pháp nhập điểm chính xác; Các phương pháp lựa chọn đối tượng và các lệnh trợ giúp vẽ đối tượng; Các lệnh hiệu chỉnh đối tượng và vẽ nhanh đối tượng; Quản lý lớp, màu, đường nét và hiệu chỉnh các tính chất đối tượng trong bản vẽ; Ghi và hiệu chỉnh văn bản; Hình cắt, mặt cắt và vẽ ký hiệu đối tượng trong bản vẽ; Các cách ghi kích thước đối tượng; Kiểu kích thước và các biến kích thước; Các lệnh vẽ và hiệu chỉnh nâng cao; Dựng mô hình 3D cơ bản.. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Bài thi giữa kỳ; Đánh giá cuối kỳ.

TM94168. Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị (Project 1: Graphics in urban design).(3TC:0-3-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm các nội dung cơ bản sau: Điều tra thu thập số liệu, tài liệu phục vụ cho công tác thiết kế đô thị; phân tích và đánh giá thực trạng các tiềm năng và nguồn lực phục vụ cho quá trình ứng dụng đồ họa trong thiết kế đô thị; Áp dụng phần mềm AutoCAD vào trong xây dựng và thiết kế các loại bản đồ chuyên đề trong phương án thiết kế đô thị; xây dựng các thuyết minh chuyên đề, báo cáo thuyết minh tổng hợp và các bản thiết kế của đồ án thiết kế đô thị. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; Nghiên cứu trường hợp; Dạy học thông qua đồ án. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Đánh giá quá trình; Đánh giá cuối kỳ.

XH94032. Xã hội học đô thị (Urban Sociology).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm Sự hình thành và phát triển XHH đô thị; Các lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu XHH đô thị; Đô thị hóa, Cấu trúc xã hội và lối sống đô thị; Nhà ở đô thị; Quá trình xâm lấn nông thôn – đô thị. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp; Thuyết trình nhóm; Thi cuối kỳ.

9.3. Các học phần chuyên sâu

TM94033. Quản lý môi trường đô thị (Urban environmental management).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về thành phần và chức năng của môi trường đô thị, các cơ sở khoa học, tiêu chuẩn và công cụ trong quản lý môi trường. Những kiến thức tổng hợp về mối liên hệ giữa môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong đô thị. Ứng dụng các kiến thức và kỹ năng cơ bản để quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng và thảo luận: GV sử dụng các phương tiện truyền đạt (bảng viết, đèn chiếu, hệ thống âm thanh,...) để trình bày nội dung bài giảng. SV tiếp thu bài giảng trên cơ sở làm việc cá nhân; Hướng dẫn sinh viên tự học; Làm việc nhóm, giải quyết tình huống. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp; Thuyết trình, thảo luận; Thi cuối kỳ.

TM94075. Đô thị thông minh (Smart Cities).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về đô thị thông minh, gồm khái niệm, mục tiêu, lợi ích và các thành phần cốt lõi. Nội dung tập trung vào nền tảng công nghệ, hạ tầng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và quản trị dữ liệu; các ứng dụng giao thông, năng lượng, môi trường, tiện ích và dịch vụ công thông minh, cùng quản trị đô thị dựa trên dữ liệu, quy hoạch và bộ chỉ số đánh giá đô thị thông minh, xu hướng công nghệ tương lai và tầm nhìn đô thị 5.0. Các mô hình quốc tế và định hướng phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến (E-

learning). Hướng dẫn thực hành trong phòng. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi giữa kỳ; Thi kết thúc học phần.

TM94076. Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn (Law in urban and rural planning). (3TC:3-0-9; 105 tiết*). Nội dung*: Học phần này gồm khái quát về đô thị và nông thôn; Tổng quan về hệ thống pháp luật liên quan đến quy hoạch đô thị và nông thôn; Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn; Nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị và nông thôn; Quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn; Tổ chức thực hiện pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến (E-learning). ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp; Thi giữa kì; Thi kết thúc học phần.

TM94077. Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị (Urban infrastructure management). (3TC:2-1-9; 105 tiết). Nội dung: Học phần này gồm tổng quan về hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị; Những vấn đề chung về quản lý cơ sở hạ tầng đô thị; Quản lý hệ thống giao thông đô thị; Quản lý hệ thống cấp nước đô thị; Quản lý hệ thống thoát nước đô thị; Quản lý các vấn đề cơ sở hạ tầng xã hội đô thị; Quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến (E-learning). Hướng dẫn thực hành trong phòng. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi giữa kỳ; Thi kết thúc học phần.

TM94079. Quản lý dự án xây dựng (Construction project management).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực dự án từ giai đoạn hình thành đến kết thúc dự án xây dựng bao gồm: Giới thiệu về dự án và quản lý dự án; Mô hình tổ chức quản lý dự án xây dựng; Phân tích dự án; Quản lý thời gian và tiến độ dự án xây dựng; Phân bố nguồn lực cho dự án xây dựng; Dự toán cho dự án xây dựng: Chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến (E-learning). Hướng dẫn thực hành trong phòng. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi giữa kỳ; Thi kết thúc học phần.

TM94080. Đồ án 3: Quy hoạch phân khu chức năng (Project 3: Functional Zoning Plan).(3TC:0-3-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần Đồ án Quy hoạch phân khu chức năng trang bị cho sinh viên kiến thức về vai trò, nguyên tắc và quy trình lập quy hoạch phân khu đô thị. Trên cơ sở khảo sát và phân tích hiện trạng sử dụng đất, dân cư, kiến trúc cảnh quan, giao thông và hệ thống hạ tầng, người học xây dựng, so sánh và lựa chọn phương án tổ chức không gian cho các khu chức năng đô thị (khu ở, công cộng – dịch vụ, cây xanh, công nghiệp, hạ tầng…), đáp ứng các chỉ tiêu khống chế quy hoạch. Học phần đồng thời phát triển kỹ năng sử dụng GIS (ArcGIS/QGIS) để quản lý và phân tích dữ liệu không gian, cùng AutoCAD để triển khai bản vẽ kỹ thuật và hoàn thiện hồ sơ đồ án theo yêu cầu chuyên môn. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Giảng dạy hướng dẫn thực hiện đồ án; Giảng dạy trực tuyến qua phần mềm MicroSoft Team. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hiện project; Bảo vệ đồ án project.

TM94081. Đồ án 4: Quy hoạch chi tiết (Project 4: Detailed Urban Planning Project).(3TC:0-3-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần Đồ án quy hoạch chi tiết đô thị cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên tắc, nội dung và quy trình lập đồ án quy hoạch chi tiết. Trên cơ sở khảo sát và phân tích hiện trạng sử dụng đất, dân cư, kiến trúc cảnh quan, giao thông và hạ tầng kỹ thuật, người học đề xuất phương án tổ chức không gian và bố trí hệ thống công trình phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị. Học phần cũng rèn luyện kỹ năng xác định và thể hiện các chỉ tiêu quy hoạch chi tiết, đồng thời sử dụng các phần mềm chuyên ngành như AutoCAD, GIS để xây dựng bản vẽ và hoàn thiện hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Giảng dạy hướng dẫn thực hiện đồ án; Giảng dạy trực tuyến qua phần mềm MicroSoft Team. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hiện project; Bảo vệ đồ án project.

TM94099. Nông nghiệp đô thị (Urban agriculture).(3TC:3-0-9; 105 tiết). Nội dung: Học phần gồm 04 chương với các nội dung trọng tâm sau: Cơ sở lý luận và chính sách phát triển nông nghiệp đô thị; Thực trạng phát triển nông nghiệp đô thị trên thế giới và Việt Nam với các loại hình tổ chức sản xuất hiện đại; Các tiêu chuẩn kỹ thuật và định hướng giải pháp phát triển nông nghiệp đô thị. Sinh viên thực hành đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng đất nông nghiệp, tham quan thực

tế mô hình nông nghiệp đô thị, xây dựng đồ án đề xuất mô hình nông nghiệp đô thị.. Phương pháp giảng dạy: Thuyết giảng; Làm bài tập; Sử dụng câu hỏi mở trong giảng dạy; Xây dựng đồ án theo nhóm; Thực hành trong phòng thí nghiệm; Tham quan thực tế trong và ngoài Học viện; Giảng dạy trực tuyến: sử dụng phần mềm MS Teams, hệ thống LMS.. Phương pháp đánh giá: Chuyên cần; Thực hành trong phòng thí nghiệm; Xây dựng và thuyết trình đồ án nông nghiệp đô thị.

TM94120. Quản lý đất đô thị (Urban land management).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm: Cơ sở của quản lý đất đô thị, Nội dung quản lý đất đô thị; Quản lý đất đô thị trên thế giới và Việt Nam. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Tổ chức thực hành/ thảo luận theo nhóm trong phòng và ngoài trời. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi kết thúc học phần.

TM94121. Phát triển quỹ đất phục vụ QHV và ĐT (Land fund development for regional and urban planning). (3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm 3 chương như sau: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển quỹ đất phục vụ quy hoạch vùng và đô thị; phát triển quỹ đất phục vụ quy hoạch vùng và đô thị; giải pháp hoàn thiện phát triển quỹ đất phục vụ quy hoạch vùng và đô thị. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Tiểu luận; Thực hành; Thi kết thúc học phần.

TM94122. Kinh tế vùng và đô thị (Regional and urban economics).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần cung cấp nền tảng về kinh tế vùng và kinh tế đô thị, tập trung vào các mô hình phân bố lực lượng sản xuất trong không gian, động lực tăng trưởng vùng, cơ chế liên kết vùng, chênh lệch phát triển và quá trình đô thị hóa. Nội dung học phần đồng thời làm rõ vai trò của các thị trường đất đai – lao động – vốn trong tổ chức không gian kinh tế và sự khác biệt phát triển giữa các vùng, các loại đô thị; qua đó hỗ trợ người học hiểu và phân tích các vấn đề chính sách trong quy hoạch và phát triển vùng – đô thị. Học phần được cấu trúc thành ba chương gồm: (i) cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về kinh tế vùng và đô thị; (ii) kinh tế vùng với trọng tâm là động lực tăng trưởng, liên kết vùng, chênh lệch phát triển, phân bố nguồn lực và chính sách vùng; và (iii) kinh tế đô thị với các nội dung về mô hình đô thị, hiệu ứng tập trung, cạnh tranh đô thị và giải pháp phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và tăng trưởng xanh. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp kết hợp tương tác (hỏi–đáp, gợi mở/động não) cho phần lý thuyết trên lớp; Seminar/thảo luận theo nhóm và thuyết trình: giao chủ đề, hướng dẫn lập luận, phản biện, tổng hợp kết luận.Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Hướng dẫn thực hành trên máy tính theo bài tập tình huống: giảng viên làm mẫu – hướng dẫn – giao nhiệm vụ – nhận xét/sửa bài.Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, tổ chức học tập theo nhóm; Dạy học kết hợp qua nền tảng trực tuyến: cung cấp tài liệu, video, hướng dẫn bài tập, trao đổi, kiểm tra nhanh. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp; Thực hành; Thi kết thúc học phần.

TM94123. Lý thuyết kiến trúc nhà ở (Theory of Housing Architecture). (3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Khái niệm và các loại hình kiến trúc nhà ở; Các yếu tố ảnh hưởng tới kiến trúc nhà ở;Nguyên tắc, yêu cầu thiết kế và các không gian thành phần; Các xu hướng thiết kế nhà ở.. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Tổ chức thảo luận, thuyết trình theo nhóm. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thảo luận nhóm; Đánh giá cuối kỳ.

TM94129. Quy hoạch sử dụng đất (Land Use Planning).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung:*** Học phần này gồm: Vai trò của đất trong sự phát triển kinh tế, xã hội; Bản chất của quy hoạch sử dụng đất; Đặc điểm quy hoạch sử dụng đất trên thế giới và Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu trong quy hoạch sử dụng đất. Nội dung đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, thực trạng sử dụng đất đai; Nội dung lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến; Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông; Giảng dạy thông qua làm bài tập tiểu luận. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Kiểm tra giữa kỳ; Bài tập tiểu luận; Thi kết thúc học phần (Trắc nghiệm hoặc tự luận).

TM94132. Quy hoạch tổng thể (Master planning).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về quy hoạch tỉnh trong hệ thống quy hoạch quốc gia; giúp người học hiểu cơ sở khoa học, pháp lý và nguyên tắc lập quy hoạch tỉnh; biết phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên, môi trường, hiện trạng sử dụng đất và tổ chức không gian lãnh thổ; từ đó xây dựng định hướng phát triển, phương án tổ chức không gian, đề xuất danh mục ưu tiên đầu tư và giải pháp thực hiện quy hoạch tỉnh. Nội dung học phần được thiết kế theo 5 chương lý thuyết và 1 phần thực hành vận dụng. Cách tổ chức này phù hợp với các nhóm nội dung chủ yếu của quy hoạch tỉnh trong Luật Quy hoạch 2025 và văn bản hướng dẫn hiện hành. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến); Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông; Giảng dạy thông qua làm bài tập tiểu luận; Giảng dạy thông qua thực hành. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Kiểm tra giữa kỳ; Bài tập tiểu luận; Thực hành; Thi kết thúc học phần (Tự luận).

TM94133. Quy hoạch vùng (Regional Planning). (3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Quy hoạch vùng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; Khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng; Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam; Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng; Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng; Đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam; Thực hành xây dựng chuyên đề. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Giảng dạy thông qua thảo luận; Thực hành trong phòng thực hành; Giảng dạy trực tuyến: sử dung phần mềm MS Teams, hệ thống LMS***. Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thi giữa kỳ; Thực hành; Thi Cuối kỳ.

TM94137. Tham vấn cộng đồng trong QHV và ĐT (Community consultation on urban and regional planning).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Các nội dung chính: (i) Cơ sở lý luận về tham vấn cộng đồng trong quy hoạch vùng và đô thị; (ii) phương pháp và kỹ năng tham vấn cộng đồng trong quy hoạch vùng và đô thị; (iii) kế hoạch tham vấn cộng đồng trong quy hoạch vùng và đô thị (Lựa chọn đối tượng, nội dung, hình thức và quy trình tham vấn); (iv) giám sát và kiểm tra tham vấn cộng đồng trong quy hoạch vùng và đô thị; (v) thực hành lập (hoặc đánh giá) kế hoạch tham vấn cộng đồng trong quy hoạch vùng và đô thị. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; hoặc giảng dạy trực tuyến; Seminar sinh viên; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy thông qua thực hành. ***Phương pháp đánh gi***á: Chuyên cần; Thuyết trình; Thực hành; Thi kết thúc học phần.

TM94138. Kiến trúc cảnh quan (Landscape architecture).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm: Tổng quan về cảnh quan và kiến trúc cảnh quan; Thành phần tự nhiên của cảnh quan: địa hình, thổ nhưỡng, thủy văn, vi khí hậu; Thành phần nhân tạo: không gian công cộng, hệ thống cây xanh, mặt nước đô thị; Nguyên lý tổ chức không gian cảnh quan; Phương pháp phân tích và đánh giá cảnh quan; Hệ thống hạ tầng xanh trong quy hoạch; Ứng dụng kiến trúc cảnh quan trong quy hoạch vùng và đô thị; Bài tập phân tích cảnh quan và đề xuất ý tưởng tổ chức cảnh quan. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến); Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông; Giảng dạy thông qua làm bài tập tiểu luận; Giảng dạy thông qua thực hành. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần; Kiểm tra giữa kỳ; Thực hành; Tiểu luận; Thi cuối kỳ.

TM94139. Đồ án 2: Quy hoạch chung (Project 2: master planning).(3TC:0-3-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm các nội dung cơ bản sau: điều tra thu thập số liệu, tài liệu phục vụ lập quy hoạch chung; phân tích và đánh giá thực trạng các tiềm năng và nguồn lực phục vụ cho quy hoạch chung; kỹ thuật xây dựng và thiết kế các loại bản đồ chuyên đề thể hiện nội dung phương án quy hoạch chung; xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo thuyết minh tổng hợp và bảng biểu số liệu của đồ án quy hoạch chung. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; Nghiên cứu trường hợp; Dạy học thông qua đồ án. Phương pháp đánh giá: Chuyên cần; Thường xuyên và Đánh giá cuối kỳ.

TM94141. Quy hoạch tỉnh (Province planning). (3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về quy hoạch tỉnh trong hệ thống quy hoạch quốc gia; giúp người học hiểu cơ sở khoa học, pháp lý và nguyên tắc lập quy hoạch tỉnh; biết phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tài nguyên, môi trường, hiện trạng sử dụng đất và tổ chức

không gian lãnh thổ; từ đó xây dựng định hướng phát triển, phương án tổ chức không gian, đề xuất danh mục ưu tiên đầu tư và giải pháp thực hiện quy hoạch tỉnh. Nội dung học phần được thiết kế theo 5 chương lý thuyết và 1 phần thực hành vận dụng. Cách tổ chức này phù hợp với các nhóm nội dung chủ yếu của quy hoạch tỉnh trong Luật Quy hoạch 2025 và văn bản hướng dẫn hiện hành.. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng (trên lớp / trực tuyến); Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông; Giảng dạy thông qua làm bài tập tiểu luận; Giảng dạy thông qua thực hành. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Kiểm tra giữa kỳ; Bài tập tiểu luận; Thực hành; Thi kết thúc học phần (Tự luân).

TM94154. Quản lý rủi ro trong quy hoạch và phát triển đô thị (Risk management in urban planning and development). (3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm: Những khái niệm cơ bản về rủi ro, hiểm họa và tính dễ bị tổn thương trong bối cảnh đô thị hóa; Các phương pháp và công cụ đánh giá, phân tích rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu; Kỹ thuật lồng ghép các giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro vào các đồ án quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý rủi ro dựa vào cộng đồng; Chiến lược xây dựng đô thị có khả năng chống chịu (Resilient Cities) và phát triển bền vững. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Giảng dạy thông qua bài thực hành. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi kết thúc học phần.

TM94155. Quy hoạch cấp thoát nước (Water supply and sanitation planning).(3TC:3-0-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Học phần này gồm: Những khái niệm cơ bản về hệ thống cấp nước; Mạng lưới cấp nước; Cấp nước bên ngoài công trình đô thị; Khái niệm chung về thoát nước; Hệ thống thoát nước bên ngoài công trình đô thị. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Giảng dạy trực tuyến; Giảng dạy thông qua làm bài tập. ***Phương pháp đánh giá:*** Chuyên cần; Bài tập; Thi kết thúc học phần.

T**M94169. Kiến trúc công trình công cộng (Public building architecture).(3TC:3-0-9; 105 tiết).** ***Nội dung***: Học phần này gồm 6 chương với nội dung về: kiến trúc trường học, kiến trúc trường đại học, kiến trúc nhà hát, rạp chiếu phim và phòng hòa nhạc, kiến trúc thư viện, viện bảo tàng và phòng triển lãm. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông E-learning; Giảng dạy trực tuyến. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thi giữa kỳ; Đánh giá cuối kỳ.

TM94182. Quy hoạch đô thị sinh thái (Ecological urban planning).(3TC:2-1-9; 105 tiết). ***Nội dung***: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong quy hoạch phát triển đô thị và đô thị sinh thái bao gồm: Khái niệm cơ bản về quy hoạch sinh thái; Đô thị và đô thị sinh thái; Các nguyên tắc quy hoạch và tiêu chí quy hoạch đô thị sinh thái; Các loại hình đô thị sinh thái; Quản lý mô hình đô thị sinh thái bền vững với sự tham gia của cộng đồng; Quy hoạch đô thị sinh thái gắn với thực tiễn. Một số mô hình đô thị sinh thái hiện nay. ***Phương pháp giảng dạy***: Thuyết giảng trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến (E-learning); Hướng dẫn thực hành trong phòng. ***Phương pháp đánh giá***: Chuyên cần; Thực hành; Thi giữa kỳ; Thi kết thúc học phần.

TM94387. Thực tập nghề nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị (Intership). **(10TC:0-10-30; 350 tiết)**. ***Nội dung***: Sinh viên thực hiện một số nội dung quản lý, quy hoạch vùng và đô thị tại địa phương như: quản lý đô thị; quản lý quy hoạch; phân tích, đánh giá, lập đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian lãnh thổ, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị…. ***Phương pháp giảng dạy***: Giảng dạy thông qua hướng dẫn thực hành, phần mềm; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông, trực tuyến; Hướng dẫn thực tập tại cơ sở. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự thực tập tại cơ sở; Đánh giá của cơ sở thực tập; Thuyết trình; Báo cáo thu hoạch

TM94497. Khoá luận tốt nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị (Graduation Thesis).(10TC:0-10-30; 350 tiết). Nội dung: Khóa luận tốt nghiệp này gồm các nội dung về quản lý đô thị; quản lý quy hoạch; phân tích, đánh giá, lập đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian lãnh thổ, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị… Sinh viên có thể chọn một trong các hướng đề tài: Định hướng tổ chức không gian đô thị trong bối cảnh đô thị hóa; Quy hoạch phát triển khu dân cư mới; Đánh giá hiện trạng và đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đô thị; Tổ chức không gian kiến trúc – cảnh quan khu trung tâm đô thị; Quy hoạch phân khu đô thị; Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị; Tổ chức không gian phát triển vùng; Phân tích mối quan hệ đô thị – nông thôn trong phát triển vùng; Ứng dụng GIS và viễn thám đánh giá quá trình đô thị hóa; Định hướng phát triển đô thị thích ứng biến đổi khí hậu; Đánh giá tác động môi trường trong phát triển đô thị; Quy hoạch thoát nước và chống ngập đô thị; Phát triển đô thị sinh thái, đô thị xanh; Quy hoạch đô thị thông minh; Đánh giá công tác quản lý đô thị; Thực trạng và giải pháp quản lý sử dụng đất đô thị; Vai trò cộng đồng trong quản lý và phát triển đô thị…. Phương pháp giảng dạy: Hướng dẫn SV đọc nghiên cứu; Hướng dẫn sinh viết viết đề cương và trình bày hội đồng; Hướng dẫn thực hành, khảo sát, thu thập, phân tích dữ liệu; Góp ý bản thảo khóa luận . Phương pháp đánh giá: Đánh giá báo cáo KLTN của giảng viên hướng dẫn (20%) và của giảng viên phản biện (20%); Đánh giá bảo vệ KLTN (dành cho Hội dồng đánh giá KLTN): 60%.

Hà Nội, ngày . . . tháng 12 năm 2025

KT. TRƯỞNG KHOA	**GIÁM ĐỐC**
PGS.TS. Trần Quốc Vinh	**GS.TS. Phạm Văn Cường**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần/môn học
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ			Các học phần về Khoa học chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ và các HP chung của HV
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	58	8.273	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	101	9.298	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	278	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian			
2	Thư viện, trung tâm học liệu			Tất cả các hợp phần
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	219	12.745	Các học phần cơ sở và cốt lõi của ngành

Bảng 2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Số lượng	Hiện trạng	Môn học/Học phần	BM Quản lý
1	Phòng TH BM Quy hoạch đất	2	Bàn ghế, giá sắt, máy hút ẩm, điều hoà	Quy hoạch đô thị và nông thôn, Quy vùng, Kiến trúc cảnh quan, Quy hoạch sử dụng đất.	Quy hoạch đất đai
2	Phòng TH BM Trắc địa bản đồ	2	Kính lập thể, bàn can, máy toàn đạc điện tử, kinh vĩ, thuỷ chuẩn, GPS, máy bay không người lái (UAV) ..	Ứng dụng máy bay không người lái trong TNMT, Bản đồ địa hình, Trắc địa, Trắc địa trong xây dựng, Quản lý	Trắc địa và bản đồ

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Số lượng	Hiện trạng	Môn học/Học phần	BM Quản lý
				hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, Đô thị thông minh, Quản lý dự án xây dựng.	
3	Phòng TH BM QLĐĐ	2	Bàn ghế, giá sắt	Quản lý đất đô thị, Phát triển quỹ đất phục vụ quy hoạch vùng và đô thị, Kinh tế vùng và đô thị, Định giá Bất động sản.	Quản lý đất đai
4	Phòng máy tính	2	Máy tính, máy điều hoà	Đồ họa kiến trúc đại cương, Hệ thống thông tin địa lý, Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị.	Hệ thống TT TNMT
5	Phòng thực hành bộ môn Quản lý tài nguyên	2	Máy đo hàm lượng diệp lục, Máy đo pH, độ dẫn điện cầm tay, Máy đo áp suất tuyệt đối, Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy, Bộ đo bốc hơi, Bộ dụng cụ lấy mẫu nước nằm ngang, Trạm quan trắc thời tiết, Bộ đo bốc hơi....	Quy hoạch Cấp thoát nước	Quản lý tài nguyên
6	Phòng thực hành bộ môn CNMT	2	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử , Máy đo pH, độ dẫn điện, Máy cất nước 2 lần, Hệ thống DI water (Máy khử ion công suất cao), Tủ hút khí độc, Máy đo đa chỉ tiêu nước đi hiện trường, Thiết bị đông keo tụ Jar test, Thiết bị đo lưu lượng và nhiệt độ khí thải, Bộ lưới thu mẫu động thực vật thủy sinh, Thiết bị lấy mẫu khí lưu lượng cao, Thiết bị lấy mẫu khí lưu lượng thấp, Máy nghiền mẫu phân tích, Thiết bị đo bụi hiện số...	Đánh giá tác động và rủi ro môi trường	Công nghệ môi trường

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	DN91027 - Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Bài giảng Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng		NXB Học viện Nông Nghiệp	2024
2	DN91034 - Tiếng Anh 1	Speakout 3rd Edition A2 Student's book	Eales, F., & Oakes, S.	Pearson Education	2022
3	DN91035 - Tiếng Anh 2	Speakout (3rd Edition) B1 Student's Book	Antonia C. & JJ W.	Pearson Education	2022
4	KE91028 - Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	Lê Thị Kim Oanh và Đào Hồng Vân	NXB Học viện Nông Nghiệp	2024
5	KE91063 - Thương mại và hội nhập quốc tế	Bài giảng Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng		Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2024
		Thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Nguyễn Đức Hải	VNU Journal of Economics and Business	2023
		Thanh toán thương mại quốc tế: Bài học từ những rủi ro	Phạm Thị Thanh Lê	Việt Nam	2022
		Lợi thế so sánh và cấu trúc xuất khẩu nông sản của Việt Nam dưới bối cảnh hội nhập thương mại quốc tế	Huỳnh Ngọc Chương, Đinh Thị Nguyệt Ánh, Nguyễn Thị Phương, Trần Cao Quý, Nguyễn Quang Vinh, Bùi Minh Hằng	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Kinh tế-Luật và Quản lý	2021
6	KT91043 - Tổ chức và Quản lý kinh tế	Giáo trình Kinh tế hộ nông dân	Đỗ Kim Chung, Lưu Văn Duy	NXB Học viện Nông Nghiệp	2023
		Giáo trình Kinh tế nông nghiệp	Đỗ Kim Chung	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021
		Tổ chức công tác khuyến nông	Đỗ Kim Chung	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021
		Giáo trình kinh tế nông thôn	Lưu Văn Duy, Nguyễn Viết Đăng, Nguyễn Phượng Lê, Lê Thị Thanh Loan, Nguyễn Thị Thiêm, Nguyễn Thanh Phong, Phạm Thị Thanh Thúy	NXB Học viện Nông Nghiệp	2022

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
7	NH91046 - Nông nghiệp hiện đại	Modern Concept in Agriculture	Satvaan Singh, Kushal Sachan, Khursheed Alam and Amit Kumar	AkiNik Publications, 2022, India	2022
		Bài giảng Nông nghiệp hiện đại	Chu Anh Tiệp, Vũ Ngọc Thắng, Đinh Thái Hoàng, Bùi Thế Khuynh, Nguyễn Văn Lộc, Lê Thị Tuyết Châm, Nguyễn Thanh Tuấn, Hoàng Xuân Anh, Trần Thị Thiêm, Thiều Thị Phong Thu, Nguyễn Mai Thơm, Nguyễn Thị Loan, Vũ Duy Hoàng, Nguyễn Thị Vinh, Hà Xuân Bộ, Dương Thu Hương, Đinh Trường Sơn, Nguyễn Văn Giang, Trần Thị Bình Nguyên, Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Thị Thuý Hạnh	2024, Việt Nam	2024
		"Precision Farming in Modern Agriculture". In book: "Smart Agriculture Automation Using Advanced Technologies".	E. Fantin Irudaya Raj, M. Appadurai & K. Athiappan	Springer, 2021	2021
		Giáo trình Canh tác học	Trần Thị Thiêm, Chu Anh Tiệp, Nguyễn Thị Loan, Vũ Duy Hoàng, Thiều Thị Phong Thu, Nguyễn Mai Thơm	NXB Học viện Nông Nghiệp	2023
8	TH91084 - Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	T for Cambridge Intenational AS & A Level: Coursebook.	Ceredig Cattanach-Chell và cộng sự	Cambridge	2024
		Chuyển đổi số - 5 giai đoạn triển khai công nghệ số cho doanh nghiệp	Lindsay Herbert	NXB Thông tin và Truyền thông,	2020
9	TM91012 - Sinh thái và môi trường	Giáo trình Sinh thái môi trường	Trần Đức Viên , Ngô Thế Ân, Nguyễn Đình Thi, Dương Thị Huyền, Nguyễn Tuyết Lan	NXB Học viện Nông Nghiệp	2024

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Giáo trình Môi trường và con người	Nguyễn Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Thị Bích Hà	NXB Học viện Nông Nghiệp	202
10	XH91001 - Pháp luật đại cương	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật HNà Nội	NXB Tư pháp	2021
11	XH91047 - Triết học Mác - Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021
12	XH91061 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021
13	XH91062 - Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021
14	XH91075 - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021
15	XH91076 - Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021
16	TM92068 - Trắc địa	Bài giảng Trắc địa	Phan Văn Khuê		2024
17	TM92069 - Bản đồ học	Bài giảng bản đồ học	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Học viện Nông Nghiệp	2025
		Ứng dụng phần mềm Microstation V8i, VietMap XM và TK DeskTop phục vụ công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 xã Hải Bối, huyện Đông Anh	Nguyễn Đình Trung, Trần Trọng Phương	Tạp chí khoa học đất số 75/2024. Tr 69-73	2024
		Giáo trình Bản đồ học	Trần Trọng Phương	NXB Học viện Nông Nghiệp	2013
18	TM93160 - Hệ thống thông tin địa lý	Giáo trình cơ sở hệ thống thông tin địa lý (GIS)	Dương Thị Lợi	NXB Đại học Sư phạm	2024
		Giáo trình Hệ thống thông tin địa lý	Lê Thị Giang	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
19	TM94027 - Đánh giá tác động và rủi ro môi trường	Quan trắc môi trường	Trịnh Quang Huy, Nguyễn Thị Thu Hà	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021
		Đánh giá tác động môi trường	Trịnh Quang Huy, Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Đình Mạnh	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021
20	TM94041 - Công nghệ sinh học xử lý môi trường	Giáo trình Công nghệ sinh học xử lý môi trường	Nguyễn Xuân Thành	NXB Lao động và xã hội.	2011
		Sách chuyên khảo Nấm rễ nội cộng sinh Arbuscular Mycorhizae ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp và Bảo vệ môi trường	Nguyễn Thị Minh	NXB Học viện Nông Nghiệp	2017
21	TM94071 - Bản đồ địa hình	Giáo trình Bản đồ địa hình	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung	NXB Học viện Nông Nghiệp	2016
		Bài giảng bản đồ địa hình	Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung		2025
22	TM94073 - Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong Quản lý TNMT	Nguyễn Thị Thu Hiền		2023
		Giáo trình Trắc địa ảnh	Nguyễn Khắc Thời, Nguyễn Thị Thu Hiền, Phạm Hà Thái	NXB Học viện Nông Nghiệp	2016
23	TM94078 - Trắc địa xây dựng	Giáo trình Trắc địa	Phan Văn Khuê và nnk	NXB Học viện Nông Nghiệp	2025
		Giáo trình Trắc địa	Trần Đình Trọng và nnk	NXB Xây dựng	2017
24	TM94110 - Định giá bất động sản	Bài giảng Định giá bất động sản	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh		2024
25	TM94142 - Nhập môn quy hoạch xây dựng	Bài giảng Nhập môn Quy hoạch xây dựng	Đỗ Thị Tám		2024
		Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Nguyễn Thế Bá	NXB Xây dựng	2022
		Quy hoạch đô thị	Phạm Hùng Cường	NXB Xây dựng	2023

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Quy hoạch đô thị đương đại	John M. Levy và Nguyễn Thị Thanh Vân (dịch)	NXB Xây dựng	2022
		Nhận diện đô thị Việt Nam đương đại	Ngô Viết Nam Sơn	NXB Dân trí	2023
		Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	Phan Tấn Hải	NXB Xây dựng	2022
26	TM94136 - Quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch cảnh quan	Đỗ Văn Nhạ, Quyền Thị Lan Phương, Nguyễn Quang Học	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021
		Contemporary Urban Planning - 12th condition.	John M. Levy, Sonia Hirt, Casey Dawkins	Routledge	2024
		Giáo trình quy hoạch nông thôn.	TS.KTS. Nguyễn Văn Tuyên (chủ biên), TS.KTS. Nguyễn Thu Hương, TS.KTS. Phạm Thị Nhâm (Viup), Ths.KS. Nguyễn Ngọc Hùng, KTS. Nguyễn Đức Khải (ICU).	NXB Xây dựng	2024
27	TM94164 - Viễn thám	Trần Quốc Vinh, Nguyễn Đức Thuận	Bài giảng viễn thám		2026
		Trần Quang Bảo, Trần Thị Thơm, Lê Hùng Chiến	Giáo trình viễn thám trong quản lý đất đai.	NXB khoa học và kỹ thuật	2023
28	TM94167 - Đồ họa kiến trúc đại cương	Giáo trình autocad : tự học nhanh autocad bằng hình ảnh (2024-2023-2022)	Vũ Thị Ánh Tuyết, Phạm Phương Hoa	NXB thanh niên	2024
		Giáo trình autocad phần cơ bản (lý thuyết - thực hành)	Phạm Quang Hân, Trần Tường Thụy	NXB thanh niên	2024
29	TM94168 - Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị	Hướng dẫn Đồ án – Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị	Phạm Văn Vân		2025
30	XH94032 - Xã hội học đô thị	Lịch sử đô thị Việt Nam	Đoàn Khắc Tình	NXB Xây dựng	2018
		Xã hội học đô thị	Đỗ Hậu	NXB Xây dựng	2020

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
31	TM94033 - Quản lý môi trường đô thị	Giáo trình Kỹ thuật xử lý khí thải và chất thải rắn	Võ Hữu Công, Hồ Thị Thuý Hằng, Phạm Châu Thuỳ, Nguyễn Ngọc Tú	NXB Học viện Nông Nghiệp	2022
		Giáo trình Công nghệ môi trường	Phạm Châu Thuỳ, Nguyễn Ngọc Tú, Hồ Thị Thuý Hằng, Lý Thị Thu Hà, Võ Hữu Công	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021
32	TM94075 - Đô thị thông minh	Bài giảng môn học Đô thị thông minh	Nguyễn Đức Lộc		2025
33	TM94076 - Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn	Bài giảng môn học Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn	Trần Trọng Phương		2025
		Sách Luật quy hoạch đô thị và nông thôn		NXB Lao động	2023
34	TM94077 - Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị	Bài giảng môn học Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị.	Trần Trọng Phương		2025
35	TM94079 - Quản lý dự án xây dựng	Bài giảng môn học Quản lý dự án xây dựng	Trần Trọng Phương		2025
		Giáo trình quản lý dự án xây dựng	Đỗ Văn Quang, Lê Minh Thoa, Bùi Anh Tú, Nguyễn Văn Phương, Phùng Duy Hảo	NXB Xây dựng	2023
36	TM94080 - Đồ án 3: Quy hoạch phân khu chức năng	Bài giảng Đồ án quy hoạch phân khu chức năng	Nguyễn Đình Trung		2025
37	TM94081 - Đồ án 4: Quy hoạch chi tiết	Bài giảng Đồ án quy hoạch chi tiết	Nguyễn Đình Trung		2026
38	TM94099 - Nông nghiệp đô thị	Phát triển nông nghiệp ven đô bền vững ở Việt Nam	Đào Thế Anh, Hoàng Xuân Trường, Nguyễn Ngọc Mai	NXB Học viện Nông Nghiệp	2019

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Urban Agriculture in Public Space: Planning and Designing for Human Flourishing in Northern European Cities and Beyond	Sirowy, B., Ruggeri, D.	Springer	2024
		Achieving Sustainable Urban Agriculture	Wiskerke, J. S. C.	Burleigh Dodds Science Publishing, Cambridge, UK.	2020
39	TM94120 - Quản lý đất đô thị	Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Nguyễn Thế Bá, Lê Trọng Bình, Trần Trọng Hanh, Nguyễn Tố Lăng	NXB Xây dựng	2022
		Chính sách đô thị : Tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị	Võ Kim Cương	NXB Xây dựng	2023
		Giáo trình quản lý đô thị	Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn	NXB thống kê	2003
40	TM94121 - Phát triển quỹ đất phục vụ QHV và ĐT	Bài giảng phát triển quỹ đất phục vụ quy hoạch vùng và đô thị	Phan Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam		2025
41	TM94122 - Kinh tế vùng và đô thị	Bài giảng kinh tế vùng và đô thị	Phan Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam		2025
42	TM94123 - Lý thuyết kiến trúc nhà ở	Lý thuyết thiết kế kiến trúc nhà ở	Phạm Trọng Thuật	NXB Xây dựng	2023
43	TM94129 - Quy hoạch sử dụng đất	Bài giảng Quy hoạch sử dụng đất	Nguyễn Quang Học, Đỗ Thị Tám và cs.		2025
		Ứng dụng chuyển đổi số trong Quy hoạch sử dụng đất	Nguyễn Quang Học	NXB Học viện Nông Nghiệp	2025
44	TM94132 - Quy hoạch tổng thể	Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Nguyễn Thị Vòng và nnk	NXB Nông nghiệp	2008
		Quy hoạch cảnh quan	Đỗ Văn Nhạ và cs	Nhà xuất bản nông nghiệp	2021

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Quy hoạch xây dựng và phát triển sinh thái đô thị-Nông thôn	Lê Hồng Kế	NXB xây dựng	2020
		Quy hoạch lâm nghiệp	Nguyễn Nghĩa Biên và CS	NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ	2020
45	TM94133 - Quy hoạch vùng	Bài giảng Quy hoạch vùng	Đỗ Văn Nhạ		2023
		Quy hoạch cảnh quan	Đỗ Văn Nhạ và cs	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021
46	TM94137 - Tham vấn cộng đồng trong QHV và ĐT	Bài giảng Tham vấn cộng đồng trong quy hoạch vùng và đô thị	Đỗ Thị Tám		2025
		Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	Đinh Thị Hải Vân, Võ Hữu Công, Nguyễn Thị Hồng Ngọc	NXB Học viện Nông Nghiệp	
		Sổ tay hướng dẫn phát triển cộng đồng	Lê Văn An, Ngô Từng Đức, Lê Minh Đức, Trịnh Thục Thanh Thủy	NXB Học viện Nông Nghiệp	
		Giáo trình phát triển cộng đồng	Mai Thanh Cúc - Quyền Đình Hà, Đỗ Thị Nhài, Đỗ Thị Thanh Huyền	NXB Học viện Nông Nghiệp	2020
47	TM94138 - Kiến trúc cảnh quan	Kiến trúc cảnh quan	Kiến trúc cảnh quan	NXB Xây dựng	2025
48	TM94139 - Đồ án 2: Quy hoạch chung	Cơ sở quy hoạch và kiến trúc	Phạm Hùng Cường, Trần Quý Dương, Hồ Ngọc Hùng, Trần Xuân Hiếu, Nguyễn Mạnh Trí & Nguyễn Văn Tuyên	NXB Xây dựng	2019
49	TM94141 - Quy hoạch tỉnh	Bài giảng Quy hoạch tỉnh	Nguyễn Quang Học và cs.		2026
		Giáo trình Quy hoạch cảnh quan	Đỗ Văn Nhạ và cs.	NXB Học viện Nông Nghiệp	2021
50	TM94154 - Quản lý rủi ro trong quy hoạch và phát triển đô thị	Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Trần Thị Tuyến, Nguyễn Thị Việt Hà	NXB Đại học Vinh	2022
51	TM94155 - Quy hoạch	Giáo trình Cấp thoát nước	Hoàng Huệ	NXB Xây dựng	2018

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	cấp thoát nước	Cấp nước đô thị	Nguyễn Ngọc Dung	NXB Xây dựng	2010
52	TM94169 - Kiến trúc công trình công cộng	Kiến trúc công trình công cộng	Nguyễn Việt Châu, Nguyễn Hồng Thục	NXB Xây dựng	2024
53	TM94182 - Quy hoạch đô thị sinh thái	Bài giảng Quy hoạch đô thị sinh thái	Trần Trọng Phương		2026
		Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Nguyễn Thế Bá	NXB Xây dựng	2022
		Quy hoạch đô thị	Phạm Hùng Cường	NXB Xây dựng	2021
		Lý thuyết đô thị xanh và đô thị sinh thái		NXB Xây dựng	2020
54	TM94387 - Thực tập nghề nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị				
55	TM94497 - Khoá luận tốt nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị				

PHỤ LỤC 3.
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã-Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
1	DN91027 - Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Khoa Du lịch và ngoại ngữ	Trần Thị Hà Nghĩa	27/10/1975	Thạc sĩ	Việt Nam
2	DN91034 - Tiếng Anh 1	Khoa Du lịch và ngoại ngữ	Nguyễn Thị Hương	16/10/1986	Thạc sĩ	Việt Nam
3	DN91035 - Tiếng Anh 2	Khoa Du lịch và ngoại ngữ	Nguyễn Thị Ngọc Thu	12/10/1986	Thạc sĩ	Việt Nam
4	KE91028 - Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Khoa Kế toán và QLKD	Phạm Thị Hương Dịu	03/11/1978	Tiến sĩ	Đức
5	KE91063 - Thương mại và hội nhập quốc tế	Khoa Kế toán và QLKD	Trần Hữu Cường	05/01/1962	Tiến sĩ	Đức
6	KT91043 - Tổ chức và Quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế và quản lý	Lưu Văn Duy	04/01/1986	Tiến sĩ	Nhật Bản
7	NH91046 - Nông nghiệp hiện đại	Khoa Nông học	Thiều Thị Phong Thu	21/05/1984	Tiến sĩ	Nhật Bản
8	TH91084 - Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Quang Dũng	08/04/1980	Tiến sĩ	Rumani
9	TM91012 - Sinh thái và môi trường	BM Sinh thái nông nghiệp, khoa TN&MT	Ngô Thế Ân	28/01/1972	Tiến sĩ	Vương quốc Anh
10	XH91001 - Pháp luật đại cương	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Minh Hạnh	01/10/1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
11	XH91047 - Triết học Mác - Lênin	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Thanh Hòa	06/01/1979	Thạc sĩ	
12	XH91061 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Khoa Khoa học xã hội	Lê Thị Kim Thanh	10/03/1974	Thạc sĩ	Việt Nam
13	XH91062 - Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Sơn	09/09/1983	Thạc sĩ	Việt Nam
14	XH91075 - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Khoa Khoa học xã hội	Trần Lê Thanh	05/11/1968	Tiến sĩ	Việt Nam

TT	Mã-Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
15	XH91076 - Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa Khoa học xã hội	Trần Lê Thanh	05/11/1968	Tiến sĩ	Việt Nam
16	TM92068 - Trắc địa	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Phan Văn Khuê	20/03/1977	Tiến sĩ	Việt Nam
17	TM92069 - Bản đồ học	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Nguyễn Đình Trung	12/01/1983	Tiến sĩ	Việt Nam
18	TM93160 - Hệ thống thông tin địa lý	BM Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Lê Thị Giang	19/01/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
19	TM94027 - Đánh giá tác động và rủi ro môi trường	BM Công nghệ môi trường, khoa TN&MT	Trịnh Quang Huy	02/12/1975	Tiến sĩ	Nhật Bản
20	TM94041 - Công nghệ sinh học xử lý môi trường	BM Vi sinh vật, khoa TN&MT	Nguyễn Thị Minh	13/02/1971	Tiến sĩ	Nhật Bản
21	TM94071 - Bản đồ địa hình	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Nguyễn Đình Trung	12/01/1983	Tiến sĩ	Việt Nam
22	TM94073 - Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/10/1980	Tiến sĩ	Việt Nam
23	TM94078 - Trắc địa xây dựng	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Phan Văn Khuê	20/03/1977	Tiến sĩ	Việt Nam
24	TM94110 - Định giá bất động sản	BM Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Văn Quân	25/08/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
25	TM94142 - Nhập môn quy hoạch xây dựng	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Tám	17/04/1974	Tiến sĩ	Philippin
26	TM94136 - Quy hoạch đô thị và nông thôn	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Văn Nhạ	20/05/1973	Tiến sĩ	Đức
27	TM94164 - Viễn thám	BM Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Trần Quốc Vinh	15/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam

TT	Mã-Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
28	TM94167 - Đồ họa kiến trúc đại cương	BM Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Trần Quốc Vinh	15/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
29	TM94168 - Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị	BM Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Phạm Văn Vân	20/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
30	XH94032 - Xã hội học đô thị	Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Minh Khuê	19/05/1985	Tiến sĩ	
31	TM94033 - Quản lý môi trường đô thị	BM Công nghệ môi trường, khoa TN&MT	Võ Hữu Công	04/10/1980	Tiến sĩ	Nhật Bản
32	TM94075 - Đô thị thông minh	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Nguyễn Đức Lộc	07/08/1984	Tiến sĩ	Đài Loan
33	TM94076 - Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Trần Trọng Phương	13/11/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
34	TM94077 - Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Trần Trọng Phương	13/11/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
35	TM94079 - Quản lý dự án xây dựng	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Trần Trọng Phương	13/11/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
36	TM94080 - Đồ án 3: Quy hoạch phân khu chức năng	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Nguyễn Đình Trung	12/01/1983	Tiến sĩ	Việt Nam
37	TM94081 - Đồ án 4: Quy hoạch chi tiết	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Nguyễn Đình Trung	12/01/1983	Tiến sĩ	Việt Nam
38	TM94099 - Nông nghiệp đô thị	BM Khoa học đất & DDCT, khoa TN&MT	Nguyễn Thu Hà	09/12/1980	Tiến sĩ	Nhật Bản
39	TM94120 - Quản lý đất đô thị	BM Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Đức Hạnh	20/01/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
40	TM94121 - Phát triển quỹ đất phục vụ QHV và ĐT	BM Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phan Thị Thanh Huyền	09/06/1977	Tiến sĩ	Việt Nam
41	TM94122 - Kinh tế vùng và đô thị	BM Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Bùi Lê Vinh	07/06/1980	Tiến sĩ	Đức

TT	Mã-Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
42	TM94123 - Lý thuyết kiến trúc nhà ở	BM Quản lý đất đai, khoa TN&MT	Phạm Phương Nam	15/07/1966	Tiến sĩ	Bungari
43	TM94129 - Quy hoạch sử dụng đất	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Quang Học	03/12/1961	Tiến sĩ	Việt Nam
44	TM94132 - Quy hoạch tổng thể	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Văn Nhạ	20/05/1973	Tiến sĩ	Đức
45	TM94133 - Quy hoạch vùng	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Vũ Thị Thu	15/08/1987	Tiến sĩ	Đài Loan
46	TM94137 - Tham vấn cộng đồng trong QHV và ĐT	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Đỗ Thị Tám	17/04/1974	Tiến sĩ	Philippin
47	TM94138 - Kiến trúc cảnh quan	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Quang Học	03/12/1961	Tiến sĩ	Việt Nam
48	TM94139 - Đồ án 2: Quy hoạch chung	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Khắc Việt Ba	04/06/1987	Thạc sĩ	Việt Nam
49	TM94141 - Quy hoạch tỉnh	BM Quy hoạch đất đai, khoa TN&MT	Nguyễn Quang Học	03/12/1961	Tiến sĩ	Việt Nam
50	TM94154 - Quản lý rủi ro trong quy hoạch và phát triển đô thị	BM Quản lý tài nguyên, khoa TN&MT	Nông Hữu Dương	18/12/1982	Tiến sĩ	Mỹ
51	TM94155 - Quy hoạch cấp thoát nước	BM Quản lý tài nguyên, khoa TN&MT	Ngô Thị Dung	30/11/1979	Tiến sĩ	Việt Nam
52	TM94169 - Kiến trúc công trình công cộng	BM Hệ thống thông tin TNMT, khoa TN&MT	Trần Quốc Vinh	15/03/1972	Tiến sĩ	Việt Nam
53	TM94182 - Quy hoạch đô thị sinh thái	BM Trắc địa bản đồ, khoa TN&MT	Trần Trọng Phương	13/11/1973	Tiến sĩ	Việt Nam
54	TM94387 - Thực tập nghề nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị	Khoa Tài nguyên và môi trường	Các giảng viên tham gia giảng dạy			

TT	Mã-Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
55	TM94497 - Khoá luận tốt nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị	Khoa Tài nguyên và môi trường	Các giảng viên tham gia giảng dạy			

PHỤ LỤC 4
MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

Ký hiệu	Mục tiêu của CTĐT	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm				
		CĐR1			CĐR2		CĐR3		CĐR4		CĐR5			CĐR6		CĐR7				
		CB1.1	CB1.2	CB1.3	CB2.1	CB2.2	CB3.1	CB3.2	CB4.1	CB4.2	CB5.1	CB5.2	CB5.3	CB6.1	CB6.2	CB7.1	CB7.2	CB7.3	CB8.1	CB8.2
MT1	Nắm vững kiến thức chuyên môn và vận dụng hiệu quả các nguyên lý khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong việc phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan đến Quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của vùng và đô thị.	X	X	X	X	X	X	X	X	X										
MT2	Thể hiện năng lực sáng tạo và khả năng ứng dụng công nghệ số trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn tại các vị trí việc làm khác nhau trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị cũng như các lĩnh vực liên quan										X	X	X	X	X					
MT3	Có phẩm chất chính trị kiên định; sở hữu lòng đam mê và đạo đức nghề nghiệp vững chắc; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng động, sáng tạo và khả năng thích nghi với các môi trường làm việc trong kỷ nguyên số, từ đó đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành và sự phát triển bền vững của Việt Nam.															X		X	X	X

PHỤ LỤC 5
ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

TT	Chuẩn đầu ra ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO			
		Tên CTĐT: Urban and Regional Planning	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Quy hoạch vùng và đô thị**
		Trường: University of Malaysia	**Trường: University of New England**	**Trường: RMIT University**	**Trường: Đại học Cần Thơ**
		Website: https://fbe.um.edu.my/doc/2024/Brochure/Course%20Structure%20URP_2023.2024V2%20(1).pdf	**Website: https://www.une.edu.au/study/courses/bachelor-of-urban-and-regional-planning**	**Website: https://www.rmit.edu.au/study-with-us/levels-of-study/undergraduate-study/honours-degrees/bachelor-of-urban-and-regional-planning-honours-bh108/bh108auscy**	**Website: https://lrd.ctu.edu.vn/tuyan-sinh/132-quy-hoach-vung-do-thi.html**
I	**KIẾN THỨC**				
1.1	**Kiến thức chung**				
	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị	PLO4: Apply relevant knowledge, social skills and work collaboratively in various contexts (Áp dụng kiến thức phù hợp, kỹ năng xã hội và hợp tác làm việc trong nhiều bối cảnh khác nhau).	PLO1: Demonstrate a broad and coherent body of knowledge in urban and regional planning, including deep understanding of the discipline's underlying principles and concepts (thể hiện một khối kiến thức rộng và mạch lạc về quy hoạch đô thị và vùng, bao gồm sự hiểu biết sâu sắc về các nguyên tắc và khái niệm cơ bản của ngành)	You will learn to identify valuable sources and evaluate their application in both theory and practice	Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị; giáo dục thể chất; an ninh và quốc phòng; pháp luật; khoa học xã hội và nhân văn; khoa học tự nhiên;

TT	Chuẩn đầu ra ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO			
		Tên CTĐT: Urban and Regional Planning	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Quy hoạch vùng và đô thị**
		Trường: University of Malaysia	**Trường: University of New England**	**Trường: RMIT University**	**Trường: Đại học Cần Thơ**
		Website: https://fbe.um.edu.my/doc/2024/Brochure/Course%20Structure%20URP_2023.2024V2%20(1).pdf	**Website: https://www.une.edu.au/study/courses/bachelor-of-urban-and-regional-planning**	**Website: https://www.rmit.edu.au/study-with-us/levels-of-study/undergraduate-study/honours-degrees/bachelor-of-urban-and-regional-planning-honours-bh108/bh108auscy**	**Website: https://lrd.ctu.edu.vn/tuyen-sinh/132-quy-hoach-vung-do-thi.html**
1.2	**Kiến thức chung cho nhóm ngành**				
	CĐR2: Áp dụng kiến thức chuyển đổi số, kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	PLO2: Understanding and resolving urban and regional issues with critical, innovative and strategic thinking (Hiểu và giải quyết các vấn đề đô thị và vùng miền bằng tư duy phản biện, sáng tạo và chiến lược).			Phân biệt được các phương pháp nghiên cứu khoa học và ngoại ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực quy hoạch vùng và đô thị; Sử dụng tốt kiến thức cơ bản kỹ thuật công nghệ, tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường, pháp luật, quy hoạch vùng và đô thị.
1.3	**Kiến thức chuyên môn**				
	CĐR3: Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	PLO1: Acquire knowledge and good technical understanding as well as good management practices in urban and regional planning fields (Tích lũy kiến thức và hiểu biết kỹ	PLO2: Demonstrate cognitive, critical and technical skills to analyse and address land-use and built-environment problems in a range of social, economic and environmental	You will have the creativity, critical thinking and innovation required to address key challenges in urban and regional planning.	Tích hợp được các kỹ thuật công nghệ trong thiết kế và thực hiện quy hoạch vùng và đô thị

TT	Chuẩn đầu ra ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO			
		Tên CTĐT: Urban and Regional Planning	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Quy hoạch vùng và đô thị**
		Trường: University of Malaysia	**Trường: University of New England**	**Trường: RMIT University**	**Trường: Đại học Cần Thơ**
		Website: https://fbe.um.edu.my/doc/2024/Brochure/Course%20Structure%20URP_2023.2024V2%20(1).pdf	**Website: https://www.une.edu.au/study/courses/bachelor-of-urban-and-regional-planning**	**Website: https://www.rmit.edu.au/study-with-us/levels-of-study/undergraduate-study/honours-degrees/bachelor-of-urban-and-regional-planning-honours-bh108/bh108auscy**	**Website: https://lrd.ctu.edu.vn/tuya-n-sinh/132-quy-hoach-vung-do-thi.html**
		thuật tốt cũng như các thực hành quản lý hiệu quả trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và vùng.)	contexts (Thể hiện khả năng nhận thức, tư duy phản biện và kỹ năng kỹ thuật để phân tích và giải quyết các vấn đề về sử dụng đất và môi trường xây dựng trong nhiều bối cảnh xã hội, kinh tế và môi trường khác nhau.);		
	CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	PLO3: Conduct study related to planning and development by using appropriate techniques (Tiến hành nghiên cứu liên quan đến lập kế hoạch và phát triển bằng cách sử dụng các kỹ thuật phù hợp).	PLO3: Demonstrate knowledge and skills to exercise the judgement and responsibility required of aprofessional planner in the governance of diverse urban and regional contexts;		Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan về quy hoạch, quản lý, phát triển bền vững vùng và đô thị
II	**KỸ NĂNG**				
2.1	**Kỹ năng chung**				

TT	Chuẩn đầu ra ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO			
		Tên CTĐT: Urban and Regional Planning	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Quy hoạch vùng và đô thị**
		Trường: University of Malaysia	**Trường: University of New England**	**Trường: RMIT University**	**Trường: Đại học Cần Thơ**
		Website: https://fbe.um.edu.my/doc/2024/Brochure/Course%20Structure%20URP_2023.2024V2%20(1).pdf	**Website: https://www.une.edu.au/study/courses/bachelor-of-urban-and-regional-planning**	**Website: https://www.rmit.edu.au/study-with-us/levels-of-study/undergraduate-study/honours-degrees/bachelor-of-urban-and-regional-planning-honours-bh108/bh108auscy**	**Website: https://lrd.ctu.edu.vn/tuyen-sinh/132-quy-hoach-vung-do-thi.html**
	CĐR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị	PLO5: Communicate ideas effectively to generate comprehensive and impactful outcomes (Giao tiếp ý tưởng một cách hiệu quả để tạo ra kết quả toàn diện và có tác động).	PLO4: Demonstrate initiative in solving planning problems, capacity to work independently andcollaboratively, and ability to consolidate and communicate information via written, oral andgraphical forms. PLO10: Be communicators of urban and regional planning by communicating ideas and research findings toa range of audiences using a variety of written and oral communication modes	You will also develop key skills in communication, collaboration, problem solving and decision making, making positive contributions to your community through planning, empathy, equity, and shared understanding across groups with diverse interests.	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin; đạt được trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, lời nói, phương tiện đa truyền thông trong môi trường đa dạng, đa văn hóa và sử dụng thông thạo ngoại ngữ và tin học trong chuyên môn.
2.2	**Kỹ năng chuyên môn**				

TT	Chuẩn đầu ra ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO			
		Tên CTĐT: Urban and Regional Planning	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Quy hoạch vùng và đô thị**
		Trường: University of Malaysia	**Trường: University of New England**	**Trường: RMIT University**	**Trường: Đại học Cần Thơ**
		Website: https://fbe.um.edu.my/doc/2024/Brochure/Course%20Structure%20URP_2023.2024V2%20(1).pdf	**Website: https://www.une.edu.au/study/courses/bachelor-of-urban-and-regional-planning**	**Website: https://www.rmit.edu.au/study-with-us/levels-of-study/undergraduate-study/honours-degrees/bachelor-of-urban-and-regional-planning-honours-bh108/bh108auscy**	**Website: https://lrd.ctu.edu.vn/tuyen-sinh/132-quy-hoach-vung-do-thi.html**
	CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	PLO6: Master the information management skills and numeral literacy skills in urban and regional planning (Nắm vững kỹ năng quản lý thông tin và kỹ năng đọc số trong quy hoạch đô thị và vùng).	PLO6: Demonstrate cognitive, critical and technical skills to analyse and address land-use and built-environment problems in a range of social, economic and environmental contexts; PLO9: Undertake independent research under supervision in a professional environment by: criticallyanalysing a challenging complex or multi-faceted problem, identifying and articulating researchquestions, designing and planning a project in urban and regional planning; developing andconstructing appropriate research methodology to address a	You'll learn to apply a range of social science research methods and undertake policy development that considers all relevant theoretical, historical, local and international contexts, and reflect on how they apply to your professional practice.	Tích hợp các kỹ thuật, công nghệ thông tin, các phương pháp, công cụ đánh giá trong nghiên cứu trong thiết kê và thực hiện dự án quy hoạch vùng và đô thị. Áp dụng được các văn bản pháp luật và công cụ trong công tác quản lý nhà nước, quy hoạch vùng và đô thị.

TT	Chuẩn đầu ra ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO			
		Tên CTĐT: Urban and Regional Planning	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Quy hoạch vùng và đô thị**
		Trường: University of Malaysia	**Trường: University of New England**	**Trường: RMIT University**	**Trường: Đại học Cần Thơ**
		Website: https://fbe.um.edu.my/doc/2024/Brochure/Course%20Structure%20URP_2023.2024V2%20(1).pdf	**Website: https://www.une.edu.au/study/courses/bachelor-of-urban-and-regional-planning**	**Website: https://www.rmit.edu.au/study-with-us/levels-of-study/undergraduate-study/honours-degrees/bachelor-of-urban-and-regional-planning-honours-bh108/bh108auscy**	**Website: https://lrd.ctu.edu.vn/tuyen-sinh/132-quy-hoach-vung-do-thi.html**
			research question; and analysing,interpreting and critically evaluating research findings; Demonstrate knowledge and skills to exercise the judgement and responsibility required of aprofessional planner in the governance of diverse urban and regional contexts;		
III	**Tự chủ và trách nhiệm**				
	CĐR7: Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; chủ động, sáng tạo, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có khả năng hướng dẫn – giám sát kỹ thuật và đưa ra kết luận	PLO7: Demonstrate quality leadership and accountability (Thể hiện khả năng lãnh đạo chất lượng và trách nhiệm). PLO9: Cultivate ethics and professionalism in strategic planning practices (Nuôi	PLO11: Be accountable for their own learning and professional work by: demonstrating initiative andintellectual independence; collaborating effectively within a research environment; and complyingwith regulatory		Vân dụng tư duy hệ thống, tích cực và sáng tạo; làm việc độc lập, làm việc nhóm; viết và thuyết trình tốt trong xử lý công việc chuyên môn; Tuân thủ pháp luật nhà nước, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo

TT	Chuẩn đầu ra ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO			
		Tên CTĐT: Urban and Regional Planning	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Urban and Regional Planning**	**Tên CTĐT: Quy hoạch vùng và đô thị**
		Trường: University of Malaysia	**Trường: University of New England**	**Trường: RMIT University**	**Trường: Đại học Cần Thơ**
		Website: https://fbe.um.edu.my/doc/2024/Brochure/Course%20Structure%20URP_2023.2024V2%20(1).pdf	**Website: https://www.une.edu.au/study/courses/bachelor-of-urban-and-regional-planning**	**Website: https://www.rmit.edu.au/study-with-us/levels-of-study/undergraduate-study/honours-degrees/bachelor-of-urban-and-regional-planning-honours-bh108/bh108auscy**	**Website: https://lrd.ctu.edu.vn/tuyen-sinh/132-quy-hoach-vung-do-thi.html**
	chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị	dưỡng đạo đức và tính chuyên nghiệp trong các hoạt động lập kế hoạch chiến lược).	frameworks and practising professional ethics relevant to their disciplinary area.		đức và trách nhiệm nghề nghiệp;
	CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp	PLO8: Acquire consultancy, entrepreneurial and life-long learning skills that can be applied in various fields (Tiếp thu các kỹ năng tư vấn, khởi nghiệp và học tập suốt đời có thể áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau).			Thể hiện tinh thần cầu tiến, nâng cao trình độ chuyên môn, học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp

PHỤ LỤC 6
MA TRẬN VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

				Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm				
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Học phần thuộc khối kiến thức	CĐR1			CĐR2		CĐr3		CĐR4		CĐR5			CĐR6		CĐR7			CĐR8	
				CB1.1	CB1.2	CB1.3	CB2.1	CB2.2	CB3.1	CB3.2	CB4.1	CB4.2	CB5.1	CB5.2	CB5.3	CB6.1	CB6.2	CB7.1	CB7.2	CB7.3	CB8.1	CB8.2
1	XH91001	Pháp luật đại cương	ĐC		P	I							I	I							I	
1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	ĐC	I		P							I	P	I						I	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	ĐC		P								P	I							I	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	ĐC		P	P							P	I							I	M
1	TM93160	Hệ thống thông tin địa lý	CSN	P				P						P		I		I			I	
1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	ĐC												I			I			I	
2	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	ĐC		P	P							P	I							I	
2	XH91047	Triết học Mác - Lênin	ĐC		I								I								I	
2	TM91012	Sinh thái và môi trường	ĐC	P	I	I								I							I	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	ĐC	I	I	P								I							I	
2	TM92069	Bản đồ học	CSN	P			P							P			P	I			I	
2	DN91039	Tiếng Anh 0	ĐC												P			I			I	

				Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm				
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Học phần thuộc khối kiến thức	CĐR1			CĐR2		CĐr3		CĐR4		CĐR5			CĐR6		CĐR7			CĐR8	
				CB1.1	CB1.2	CB1.3	CB2.1	CB2.2	CB3.1	CB3.2	CB4.1	CB4.2	CB5.1	CB5.2	CB5.3	CB6.1	CB6.2	CB7.1	CB7.2	CB7.3	CB8.1	CB8.2
3	KT91043	Tổ chức và Quản lý kinh tế	ĐC		I	I								I							I	I
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ĐC		P	I								I							I	
3	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐC		R									I							I	
3	DN91034	Tiếng Anh 1	ĐC												R			I			I	
3/4	TM94076	Pháp luật trong quy hoạch đô thị và nông thôn	CN		P					P		P					P		P		P	
3/4	TM92068	Trắc địa	CSN	I			P							P				I			I	
4	XH91075	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	ĐC		M									I							I	
4	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐC		R									I							I	
4	DN91035	Tiếng Anh 2	ĐC												M			I			I	
4	TM94142	Nhập môn quy hoạch xây dựng	CSN		P				P							P			I		I	
4/3	TM94167	Đồ họa kiến trúc đại cương	CSN	P				P						P				I			I	
4/3	TM94075	Đô thị thông minh	CN			P			P		P					P			P		P	
5	TM94099	Nông nghiệp đô thị	CN	P					P		P					P		P			P	

				Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm				
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Học phần thuộc khối kiến thức	CĐR1			CĐR2		CĐr3		CĐR4		CĐR5			CĐR6		CĐR7			CĐR8	
				CB1.1	CB1.2	CB1.3	CB2.1	CB2.2	CB3.1	CB3.2	CB4.1	CB4.2	CB5.1	CB5.2	CB5.3	CB6.1	CB6.2	CB7.1	CB7.2	CB7.3	CB8.1	CB8.2
5	TM94077	Quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị	CN	P						P		P					P			P	P	
5	TM94078	Trắc địa xây dựng	CSN	P			M							P				P			P	
5	TM94136	Quy hoạch đô thị và nông thôn	CN	P					R		R					P			P		P	
5	TM94168	Đồ án 1: Đồ họa trong thiết kế đô thị	CSN				R	M						R		R			p	R		
5	**TM94123**	Lý thuyết kiến trúc nhà ở	CN		P				p		p					p				p	p	
6	TM94133	Quy hoạch vùng	CN	P					P		P					P			P		P	
6	**TM94181**	Thiết kế đô thị	CSN		P				p		p					p				p	p	
6	TM94139	Đồ án 2: Quy hoạch chung	CN	R		R			R		R					P				P		
6	TM94164	Viễn thám	CSN	p			R							R		p		p				
6	TM94041	Công nghệ sinh học xử lý môi trường	CSN	P						P		P	P					P				
6	TM94129	Quy hoạch sử dụng đất	CN	P					P		P					P		P				
6	TM94073	Ứng dụng máy bay không người lái (UAV) trong TNMT	CSN	R			R	R						R				P			P	
6	**TM94155**	Quy hoạch cấp thoát nước	CN	P					P		p					p		P			P	

				Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm				
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Học phần thuộc khối kiến thức	CĐR1			CĐR2		CĐr3		CĐR4		CĐR5			CĐR6		CĐR7			CĐR8	
				CB1.1	CB1.2	CB1.3	CB2.1	CB2.2	CB3.1	CB3.2	CB4.1	CB4.2	CB5.1	CB5.2	CB5.3	CB6.1	CB6.2	CB7.1	CB7.2	CB7.3	CB8.1	CB8.2
7	TM94137	Tham vấn cộng đồng trong QHV và ĐT	CN		P				P		R		P				R				R	
7	**TM94169**	Kiến trúc công trình công cộng	CN		P				p		p					p				p	p	
7	**TM94182**	Quy hoạch đô thị sinh thái	CN	P		P			P		p					P		P				
7	TM94080	Đồ án 3: Quy hoạch phân khu chức năng	CN	P		P			R		R					R				R		
7	XH94032	Xã hội học đô thị	CSN		P					P			P					P				
7	TM94121	Phát triển quỹ đất phục vụ QHV và ĐT	CN		P				P		P						P	P				
7	TM94027	Đánh giá tác động và rủi ro môi trường	CSN	P					P		P					P		P				
7	TM94071	Bản đồ địa hình	CSN	P			P		P							P		P			P	
8	TM94079	Quản lý dự án xây dựng	CN		P					P		P	R				P		P			
8	TM94033	Quản lý môi trường đô thị	CN	P						P		R					R		P		R	
8	TM94120	Quản lý đất đô thị	CN		P					R		R					R		P		P	
8	**TM94081**	Đồ án 4: Quy hoạch chi tiết	CN	M		M			R		R					R				R		
8	TM94110	Định giá bất động sản	CSN		P					P		P					P	P				
8	TM94141	Quy hoạch tỉnh	CN			M			M		R		M			R						R

				Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn						Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm				
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Học phần thuộc khối kiến thức	CĐR1			CĐR2		CĐr3		CĐR4		CĐR5			CĐR6		CĐR7			CĐR8	
				CB1.1	CB1.2	CB1.3	CB2.1	CB2.2	CB3.1	CB3.2	CB4.1	CB4.2	CB5.1	CB5.2	CB5.3	CB6.1	CB6.2	CB7.1	CB7.2	CB7.3	CB8.1	CB8.2
8	TM94138	Kiến trúc cảnh quan	CN	P					P		R					P		P				
8	TM94122	Kinh tế vùng và đô thị	CN		P					P		P					P	P				
9	TM94132	Quy hoạch tổng thể	CN		R				R		R					R		R		R		
9	TM94154	Quản lý rủi ro trong quy hoạch và phát triển đô thị	CN		M					R		R					M		M		M	
9	TM94387	Thực tập nghề nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CN						M	M	M	M		M		M		M				
10	TM94497	Khoá luận tốt nghiệp ngành Quy hoạch vùng và đô thị	CN						M	M	M	M				M				M		M

PHỤ LỤC 7

LỘ TRÌNH HỌC TẬP

